

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI/BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI THUỘC THẨM QUYỀN  
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI/  
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, UBND CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số:                   /QĐ-UBND ngày                   /9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|---|--|---|
| 1  | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: | <b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).<br>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan. | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|---|--|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|   | thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao<br><br>(1.012752.H56) | có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ | <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | - Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 592 1850 1414"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung  | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|   |  | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>  |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất   | 500.000   | 500.000   | 610.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản  | 150.000   | 150.000   | 180.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |

| TT                          | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý         |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |
|-----------------------------|--------------------------------|--|--------------------|--|--|--|--|--|------------------------|--|--|--|--|--|-----------------------------|--|--|--|--|--|--------------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|--|--|
|                             |                                | tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất) |                    | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 15%;">hoặc tài sản tăng thêm</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> <tr> <td colspan="6" style="text-align: center;"><b>B. Đối tượng còn lại</b></td> </tr> <tr> <td><b>Cấp lần đầu</b></td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td style="text-align: center;">1.100.000</td> <td style="text-align: center;">1.270.000</td> <td style="text-align: center;">1.660.000</td> <td></td> </tr> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày</li> </ul> |  |  |  |  | hoặc tài sản tăng thêm |  |  |  |  |  | <b>B. Đối tượng còn lại</b> |  |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |  |  |
| hoặc tài sản tăng thêm      |                                |  |                    |  |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại</b> |                                |  |                    |  |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>          | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000  | 1.270.000          | 1.660.000  |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện    | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
|--|--|---|-----------------------|--|----------------|----------|---------|--|---|-----------------------|----------|---|--|--|---|--|---------|---------|----------|--|--|--|---|-------------|--------|---------|----------|---|--------|--------|--|
|  |  |   |                       | <p>19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="931 850 1854 1401"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu</th> </tr> <tr> <th>Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th>Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td><b>2</b></td> <td><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> <td>200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | - | Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| STT  | Nội dung   | Mức thu                                 |                       |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
|  |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| <b>1</b>   | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| -  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                 | 100.000                                 | 600.000               |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| <b>2</b>   | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| -  | Cấp lần đầu  | 40.000                                  | 200.000               |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| <b>3</b>   | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |
| Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch |  |   |                       |  |                |          |         |  |   |                       |          |   |  |  |   |  |         |         |          |  |  |  |   |             |        |         |          |   |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|--|---|---|
|    |   |  |  | vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |   |
| 2  | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).<br>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi. | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy |

| TT          | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý  |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|-------------|--|---|--------------------|---|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-------------|----------------|---------|----------------|-----|------------------------|----------------|-----------|-----------|
|             | kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao<br><br>(1.012755.H56) | đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời |                    | + Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu:  |                                |         |         |         | định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> </table>   |                                |         |         |         | Nội dung  | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |         |                | Đất | Tài sản                | Đất và tài sản |           |           |
| Nội dung    | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |                    |   |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản  |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | <b>Cấp lần đầu</b>  |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm  | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000 | 150.000 | 180.000 |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>   |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             |  |   |                    | <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Cấp lần đầu</th> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/</td> <td>1.100.000</td> <td>1.270.000</td> <td>1.660.000</td> </tr> </tbody> </table> |                                |         |         |         | Cấp lần đầu   |             | Đất            | Tài sản | Đất và tài sản |     | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ | 1.100.000      | 1.270.000 | 1.660.000 |
| Cấp lần đầu |  | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản  |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |
|             | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/   | 1.100.000   | 1.270.000          | 1.660.000   |                                |         |         |         |   |             |                |         |                |     |                        |                |           |           |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |  |  |  |  |
|----|------------------------|--|--------------------|--|----------------|----------|--|--|--|--|
|    |                        | gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                    | <table border="1" data-bbox="943 296 1843 341"> <tr> <td data-bbox="943 296 1189 341"></td> <td data-bbox="1189 296 1379 341">Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 296 1529 341"></td> <td data-bbox="1529 296 1680 341"></td> <td data-bbox="1680 296 1843 341"></td> </tr> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> |                | Thửa đất |  |  |  |  |
|    | Thửa đất               |  |                    |  |                |          |  |  |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
|---|---|---|--------------------|---|----------------|---------|--|---|---|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|-------------|--------|---------|--|--------|--------|--|
|   |   |   |                    | <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 60%;">Nội dung</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Mức thu</th> </tr> <tr> <th style="width: 20%;">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th style="width: 20%;">Các đối tượng còn lại theo Luật Đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td style="text-align: center;">100.000</td> <td style="text-align: center;">600.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td style="text-align: center;">40.000</td> <td style="text-align: center;">200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td style="text-align: center;">15.000</td> <td style="text-align: center;">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại theo Luật Đất đai | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |   |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại theo Luật Đất đai |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |   |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                                 | 600.000                                 |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |   |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000                                 |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                                  |                    |   |                |         |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |



| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|--|---|---|
| 3  | Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất<br><br>(1.012757.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</li> <li>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</li> </ul> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</li> </ul> |

| TT          | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
|-------------|--------------------------------|---|--------------------|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|---|
|             |                                | <p>năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích</p> |                    | <p>miền núi.<br/>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 368 1850 619"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>1.100.000</td> <td>1.270.000</td> <td>1.660.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.<br/><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br/>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:<br/>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).<br/>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br/>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.<br/>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br/>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br/>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày</p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 | <p>10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung    | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                    |   |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
|             |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
| Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000   | 1.270.000          | 1.660.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết     | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
|---|------------------------|-------------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|---------|--|--------|--|
|   |                        | đo địa chính thửa đất). |                    | <p>19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="954 850 1832 1230"> <thead> <tr> <th data-bbox="954 850 1579 890">Nội dung</th> <th data-bbox="1579 850 1832 890">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="954 890 1579 963"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1579 890 1832 963"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 963 1579 1037">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1579 963 1832 1037">600.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1037 1579 1110"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1579 1037 1832 1110"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1110 1579 1155">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1579 1110 1832 1155">200.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1155 1579 1230"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1579 1155 1832 1230">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo thửa đất, đo tài sản trên đất, đo đạc địa</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 200.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 600.000                |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 200.000                |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 30.000                 |                         |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|--|--|--|
|    |   |  |  | chính: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |  |
| 4  | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước<br><br>(1.012758.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br><br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).<br>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi |

| TT   | Tên thủ tục hành chính          | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
|--|---------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|----------------|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|--|--|--|--|--|--|---------------------------------|---------|---------|-----------|--|---------------------------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                 | đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời |                    | <p>miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 368 1843 1233"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cấp lần đầu</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất</td> <td>1.100.000</td> <td>1.270.000</td> <td>1.660.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất</td> <td>850.000</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất</td> <td>510.000</td> <td>510.000</td> <td>660.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết</p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | 1. Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                     | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
|  |                                 | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
| 1. Cấp lần đầu   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 1.100.000   | 1.270.000          | 1.660.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                 |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 850.000   | 850.000            | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 510.000   | 510.000            | 660.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                 |           |           |           |  |  |  |  |  |  |                                 |         |         |           |  |                                 |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                                       | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--------------------|--|----------------|
|    |                        | gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                    | <p>số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
|---|---|---|--|---|--|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|---------|---|--------|--|--------|--|
|   |   |   |  | <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="958 408 1832 826"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 408 1599 448">Nội dung</th> <th data-bbox="1599 408 1832 448">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="958 448 1599 523"><b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1599 448 1832 523"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 523 1599 598">- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1599 523 1832 598">600.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 598 1599 673"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1599 598 1832 673"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 673 1599 713">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1599 673 1832 713">200.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 713 1599 753"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1599 713 1832 753">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 753 1599 826"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1599 753 1832 826">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | Nội dung   | Mức thu | <b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 30.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu   |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                  | 600.000   |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 200.000   |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 30.000  |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 30.000  |   |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| 5   | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> </ul> </li> </ul>  | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |

| TT                                     | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |
|--|---|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|----------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|--|--|--|--|--|--------------|----|---------|---------|-----------|--|
|  | định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước<br><br>(1.012759.H56) | kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào | tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | + Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 1002 1843 1417"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Cấp lần đầu</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất</td> <td>1.100.000</td> <td>1.270.000</td> <td>1.660.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận</td> <td>Hồ</td> <td>850.000</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | 1. Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận | Hồ | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung                               | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |
|  |   | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |
| 1. Cấp lần đầu                         | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất  | 1.100.000  | 1.270.000  | 1.660.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |   |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |
| - Chứng nhận                           | Hồ  | 850.000  | 850.000  | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                |                                |           |           |           |  |  |  |  |  |              |    |         |         |           |  |



| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                       |                |                |                | Căn cứ pháp lý |
|--|------------------------|--|--------------------|---|---------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
|  |                        | <p>tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).</p> |                    | <p>biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p>                    | <p>sơ/Giấy chứng nhận/thừa đất</p>    |                |                |                |                |
|  |                        |  |                    | <p>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | <p>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thừa đất</p> | <p>510.000</p> | <p>510.000</p> | <p>660.000</p> |                |
| <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu</li> </ul> |                        |  |                    |   |                                       |                |                |                |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|---------|---|--------|--|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="958 927 1832 1342"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td>200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 30.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                  | 600.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 200.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 30.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 30.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |         |   |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|--|--|
|    |   |   |  | (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |  |
| 6  | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài<br><br>(1.012760.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br><br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br><br>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br><br>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br><br>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).<br><br>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br><br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br><br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br><br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br><br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br><br>- Đối tượng được giảm nộp phí: | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br><br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br><br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|---|--------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|   |                                | khẩn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 603 1827 730"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|   |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000   | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000   | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |           |           |           | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
|    |                        | nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                    | hoặc tài sản tăng thêm   |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |                |
|    |                        |  |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>  |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | <b>1. Cấp lần đầu</b>  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất   | Hồ sơ/Giấy                     | 510.000   | 510.000   | 660.000   |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                 |                      |  |  | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------------|--|--|----------------|--|
|    |                        |                     |                    | đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | chứng nhận/ Thửa đất |  |  |                | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
|---|---|-----------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|---------------|--------|---------|---|--------|--------|--|--------|--------|--|
|   |   |                       |                    | <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="954 703 1832 1329"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu</th> </tr> <tr> <th>Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th>Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td>- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td>- Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> <td>200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức</p> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | - Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 30.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                  | 100.000                                 | 600.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| - Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                                  | 30.000                |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |   |        |        |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|--|---|
|    |   |   |   | <p>thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |   |
| 7  | <p>Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi</p> |



| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|---|--------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|   | (1.012761.H56)                 | đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 603 1850 727"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 727 1850 770"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 770 1850 812"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 812 1167 1018">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1167 812 1339 1018">Hộ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1339 812 1509 1018">500.000</td> <td data-bbox="1509 812 1680 1018">500.000</td> <td data-bbox="1680 812 1850 1018">610.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1018 1167 1423">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất</td> <td data-bbox="1167 1018 1339 1423">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1339 1018 1509 1423">150.000</td> <td data-bbox="1509 1018 1680 1423">150.000</td> <td data-bbox="1680 1018 1850 1423">180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hộ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|   |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>  |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hộ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000   | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000   | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý         |  |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |  |
|---|--------------------------------|--|--------------------|---|--|--|--|--|------------------------|--|--|--|--|--|--|-----------------------------|--|--|--|--|--|--|--------------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|--|--|--|
|   |                                | gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                    | <table border="1"> <tr> <td data-bbox="925 296 1167 379">hoặc tài sản tăng thêm</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="7" data-bbox="925 379 1865 424"><b>B. Đối tượng còn lại</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="925 424 1167 544"><b>Cấp lần đầu</b></td> <td data-bbox="1167 424 1339 544">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1339 424 1509 544">1.100.000</td> <td data-bbox="1509 424 1680 544">1.270.000</td> <td data-bbox="1680 424 1850 544">1.660.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> |  |  |  |  | hoặc tài sản tăng thêm |  |  |  |  |  |  | <b>B. Đối tượng còn lại</b> |  |  |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |  |  |  |
| hoặc tài sản tăng thêm  |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại</b>   |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000  | 1.270.000          | 1.660.000   |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |  |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,</li> </ul> |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                        |  |  |  |  |  |  |                             |  |  |  |  |  |  |                    |                                |           |           |           |  |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
|---|---|-----------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|---------------|--------|---------|--|--------|--------|--|
|   |   |                       |                    | <p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 60%;">Nội dung</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Mức thu</th> </tr> <tr> <th style="width: 20%;">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th style="width: 20%;">Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td style="text-align: center;">100.000</td> <td style="text-align: center;">600.000</td> </tr> <tr> <td><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Cấp lần đầu</td> <td style="text-align: center;">40.000</td> <td style="text-align: center;">200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td style="text-align: center;">15.000</td> <td style="text-align: center;">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức</p> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | - Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
| - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                  | 100.000                                 | 600.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
| - Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |               |        |         |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|---|--|--|
|    |   |  |   | <p>thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |  |
| 8  | <p>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> | <p>10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|---|------------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|-----------------------|--|--|--|--|--|------------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|   | (1.012762.H56)                     | khẩn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 603 1827 730"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 730 1827 770"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 770 1827 810"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 810 1167 1018">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1167 810 1317 1018">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br/>Thửa đất</td> <td data-bbox="1317 810 1487 1018">500.000</td> <td data-bbox="1487 810 1657 1018">500.000</td> <td data-bbox="1657 810 1827 1018">610.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1018 1167 1423">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất</td> <td data-bbox="1167 1018 1317 1423">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1317 1018 1487 1423">150.000</td> <td data-bbox="1487 1018 1657 1423">150.000</td> <td data-bbox="1657 1018 1827 1423">180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                        | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|   |                                    | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |                                    |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |                                    |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 500.000   | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản              | 150.000   | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                    |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                        | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |           |           |           | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
|    |                        | nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                    | hoặc tài sản tăng thêm   |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |                |
|    |                        |  |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>  |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | <b>1. Cấp lần đầu</b>  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |  |         |         |         | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|--|--|---------|---------|---------|---|
|    |                        |                     |                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</li> </ul> | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
|---|---|-----------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|-------------|--------|---------|---|--------|--------|--|--------|--------|--|
|   |   |                       |                    | <p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="954 778 1832 1401"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu</th> </tr> <tr> <th>Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th>Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> <td>200.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 30.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                                 | 600.000               |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000               |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                                  | 30.000                |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |  |        |        |  |



| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|--|--|---|
|    |  |  |  | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |   |
| 9  | <p>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc,</p> | <p>Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.g">https://dichvuc.ong.thanhhoa.g</a></p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
|---|---|---|---------------------|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|---|
|   | người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao<br><br>(1.012763.H56) | tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ | ov.vn<br>(một phần) | quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 695 1850 820"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 820 1850 858"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 858 1850 896"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 896 1167 1107">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1167 896 1339 1107">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1339 896 1512 1107">500.000</td> <td data-bbox="1512 896 1680 1107">500.000</td> <td data-bbox="1680 896 1850 1107">610.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1107 1167 1431">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng</td> <td data-bbox="1167 1107 1339 1431">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1339 1107 1512 1431">150.000</td> <td data-bbox="1512 1107 1680 1431">150.000</td> <td data-bbox="1680 1107 1850 1431">180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung  | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |                     |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
|   |   | Đất   | Tài sản             | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>   |   |   |                     |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |   |   |                     |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản                                      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 500.000   | 500.000             | 610.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng | Thửa đất hoặc tài sản   | 150.000   | 150.000             | 180.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |           |           |           | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|--|
|    |                        | tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                    | nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm                     |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |  |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |                |  |
|    |                        |  |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>  |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |  |                    | <b>1. Cấp lần đầu</b>  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |                |  |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                 |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện                               | Hồ sơ/Giấy chứng               | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |                |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                    |         |         |         | Căn cứ pháp lý |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|------------------------------------|---------|---------|---------|----------------|--|
|   |                        |                     |                    | cấp mới Giấy chứng nhận  | nhận/<br>Thửa đất                  |         |         |         |                |  |
|   |                        |                     |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 |                |  |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày</li> </ul> |                        |                     |                    |  |                                    |         |         |         |                |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
|---|---|-----------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|-------------|--------|---------|---|--------|--------|---|--------|--------|--|
|   |   |                       |                    | <p>19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="954 850 1832 1437"> <thead> <tr> <th data-bbox="954 850 1458 1062" rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1458 850 1832 911">Mức thu</th> </tr> <tr> <th data-bbox="1458 911 1666 1062">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th data-bbox="1666 911 1832 1062">Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="954 1062 1458 1134"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1458 1062 1666 1134"></td> <td data-bbox="1666 1062 1832 1134"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1134 1458 1211">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1458 1134 1666 1211">100.000</td> <td data-bbox="1666 1134 1832 1211">600.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1211 1458 1287"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1458 1211 1666 1287"></td> <td data-bbox="1666 1211 1832 1287"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1287 1458 1326">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1458 1287 1666 1326">40.000</td> <td data-bbox="1666 1287 1832 1326">200.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1326 1458 1402"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1458 1326 1666 1402">28.000</td> <td data-bbox="1666 1326 1832 1402">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="954 1402 1458 1437"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số</b></td> <td data-bbox="1458 1402 1666 1437">15.000</td> <td data-bbox="1666 1402 1832 1437">30.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 30.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                                 | 600.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                                  | 30.000                |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số</b>   | 15.000                                  | 30.000                |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |   |        |        |   |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|--|--|---|
|    |   |  |  | <p><b>liệu hồ sơ địa chính</b></p> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |   |
| 10 | <p>Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án (1.012764.H56)</p> | <p>Không quá 22 ngày, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định và có văn bản thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</li> <li>- Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc</li> </ul> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.g">https://dichvuc.ong.thanhhoa.g</a></p> | <p>Không</p>   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,</li> <li>Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,</li> <li>Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện          | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|--|-----------------------------|-------------|---|
|    |                        | <p>không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế có văn bản đề nghị là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của cơ quan có chức năng quản lý đất đai.</p> <p>* Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời</p> | <p>ov.vn<br/>(một phần)</p> |             | <p>30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|---|--|--|
|    |  | gian thực hiện đối với thủ tục hành chính nêu trên được tăng thêm 10 ngày.  |   |  |  |
| 11 | <p>Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao</p> <p>(1.012804.H56)</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định;</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi</p> |



| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
|--|--------------------------------|--|--------------------|---|--|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------------|--|--|--|--|--------------------|------------------|-----------|-----------|-----------|--|---|
|  |                                | <p>Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).</p> |                    | <p>miền núi.<br/>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 368 1827 496"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 496 1827 536"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 536 1827 576"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 576 1167 783">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1167 576 1317 783">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1317 576 1487 783">500.000</td> <td data-bbox="1487 576 1657 783">500.000</td> <td data-bbox="1657 576 1827 783">610.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 783 1167 1278">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td data-bbox="1167 783 1317 1278">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1317 783 1487 1278">150.000</td> <td data-bbox="1487 783 1657 1278">150.000</td> <td data-bbox="1657 783 1827 1278">180.000</td> <td></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1278 1827 1318"><b>B. Đối tượng còn lại</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1318 1167 1434"><b>Cấp lần đầu</b></td> <td data-bbox="1167 1318 1317 1434">Hồ sơ/Giấy chứng</td> <td data-bbox="1317 1318 1487 1434">1.100.000</td> <td data-bbox="1487 1318 1657 1434">1.270.000</td> <td data-bbox="1657 1318 1827 1434">1.660.000</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> |  |  |  |  | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 |  | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 |  | <b>B. Đối tượng còn lại</b> |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> | Hồ sơ/Giấy chứng | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |  | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.<br/>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
|  |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản  |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>  |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| <b>Cấp lần đầu</b>   |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000            | 610.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000            | 180.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại</b>  |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |
| <b>Cấp lần đầu</b>   | Hồ sơ/Giấy chứng               | 1.100.000  | 1.270.000          | 1.660.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |                       |         |         |         |  |                             |  |  |  |  |                    |                  |           |           |           |  |   |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí |                   |  |  |  | Căn cứ pháp lý |
|--|------------------------|---------------------|--------------------|-------------|-------------------|--|--|--|----------------|
|  |                        |                     |                    |             | nhận/<br>Thửa đất |  |  |  |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009</li> </ul> |                        |                     |                    |             |                   |  |  |  |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
|---|---|-----------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|---------|---------|---|--|--|-------------|--------|---------|--|--------|--------|--|
|   |   |                       |                    | <p>của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="947 847 1839 1394"> <thead> <tr> <th data-bbox="947 847 1451 1054" rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1451 847 1839 906">Mức thu</th> </tr> <tr> <th data-bbox="1451 906 1659 1054">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th data-bbox="1659 906 1839 1054">Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="3" data-bbox="947 1054 1839 1129"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="947 1129 1451 1204">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1451 1129 1659 1204">100.000</td> <td data-bbox="1659 1129 1839 1204">600.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3" data-bbox="947 1204 1839 1279"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="947 1279 1451 1321">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1451 1279 1659 1321">40.000</td> <td data-bbox="1659 1279 1839 1321">200.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="947 1321 1451 1394"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1451 1321 1659 1394">15.000</td> <td data-bbox="1659 1321 1839 1394">30.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                                 |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
|   | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |   |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                                 | 600.000               |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                                  | 200.000               |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                                  | 30.000                |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |
| Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch                              |   |                       |                    |  |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |         |         |   |  |  |             |        |         |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|---|--|--|
|    |   |   |   | <p>vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   |  |
| 12 | <p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất</p> <p>(1.012753.H56)</p> | <p>20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy</p> |

| TT          | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
|-------------|--------------------------------|--|--------------------|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-------------|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|---|
|             |                                | 03 ngày làm việc).<br>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian |                    | <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 655 1850 906"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>1.100.000</td> <td>1.270.000</td> <td>1.660.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng</li> </ul> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 | <p>định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung    | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |   |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
|             |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |
| Cấp lần đầu | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000  | 1.270.000          | 1.660.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |             |                                |           |           |           |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |  |
|---|------------------------|--|--------------------|---|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|--|
|   |                        | <p>trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc</p> |                    | <p>chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="958 1145 1827 1410"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 1145 1585 1185">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 1145 1827 1185">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="958 1185 1585 1262"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1585 1185 1827 1262"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1262 1585 1339">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1585 1262 1827 1339">600.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1339 1585 1410"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1585 1339 1827 1410"></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 600.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  |
| Nội dung  | Mức thu                |  |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |  |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 600.000                |  |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |  |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   |             | Căn cứ pháp lý  |  |        |  |  |
|--|---|---|---|---|-------------|---|--|--------|--|--|
|  |   |   |   | <table border="1"> <tr> <td data-bbox="920 296 1588 336">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1588 296 1865 336">200.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="920 336 1588 411"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1588 336 1865 411">30.000</td> </tr> </table>   | Cấp lần đầu | 200.000   | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 30.000 |  |  |
| Cấp lần đầu  | 200.000   |   |   |   |             |   |  |        |  |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 30.000  |   |   |   |             |   |  |        |  |  |
| 13   | <p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (1.012754.H56)</p> | <p>20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu;<br/>23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br/>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.g">https://dichvuc.ong.thanhhoa.g</a></p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <p>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p> <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> |             | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số</p> |  |        |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |
|--|--------------------------------|---|---------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|---|
|  |                                | <p>với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai,</p> | ov.vn<br>(một phần) | <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 847 1843 1441"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung 1</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung 1 | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                     |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |
|  |                                | Đất   | Tài sản             | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |
| <b>Cấp lần đầu</b>   |                                |   |                     |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản                             | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000   | 500.000             | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong một hồ sơ và cấp chung 1 | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000   | 150.000             | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |   |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|---|--------------------|--|--|--|--|----------------|--|
|    |                        | <p>thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng</p> |                    | <p>Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</p> |  |  |  |                | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
|---|------------------------|---|--------------------|--|----------------|----------------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|--|--------|--|
|   |                        | <p>đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |                    | <p>của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.</p> <p>Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 863 1850 1241"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 863 1585 903">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 863 1850 903">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 903 1850 975"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="943 903 1850 975"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 975 1585 1046">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1585 975 1850 1046">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1046 1850 1118"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="943 1046 1850 1118"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1118 1585 1158">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1585 1118 1850 1158">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1158 1850 1230"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1585 1158 1850 1230">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với</p> | Nội dung       | Mức thu (đồng) | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu (đồng)         |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|--|--|---|
|    |  |   |  | đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |   |
| 14 | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý<br>(1.012756.H56) | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Đối với Tổ chức trong nước, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Đất đai; Người được giao quản lý | * Phí thẩm định, lệ phí: thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|---|--|--|
|    |   | <p>hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p>đất quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Luật Đất đai)</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã (đối với Cộng đồng dân cư).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> |  | <p>ơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> |
| 15 | <p>Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong</p> | <p>- Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn</p>   | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm</p>   | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <p>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15</p>  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                          |                  |         |         |         |   |
|---|--|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--------------------------|------------------|---------|---------|---------|---|
|   | <p>các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (1.012765.H56)</p> | <p>điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 10 ngày làm việc;<br/>- Thủ tục cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: 05 ngày làm việc.<br/>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội</p> | <p>Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).<br/>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> | <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br/>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.<br/>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br/>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br/>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br/>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br/>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br/>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br/>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br/>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1145 1843 1410"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td>Chứng nhận biến động đất</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | Chứng nhận biến động đất | Hồ sơ/Giấy chứng | 320.000 | 430.000 | 510.000 | <p>ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br/>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                          |                  |         |         |         |   |
|   |  | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                          |                  |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                          |                  |         |         |         |   |
| Chứng nhận biến động đất  | Hồ sơ/Giấy chứng   | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                          |                  |         |         |         |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |                                |         |         |           | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|--|--|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|--|
|    |                        | dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn | thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | đại thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | nhận/Thửa đất                  |         |         |           | 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
|    |                        |  |  | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000   |  |
|    |                        |  |  | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>   |                                |         |         |           |  |
|    |                        |  |  | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 |  |
|    |                        |  |  | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000   |  |
|    |                        |  |  | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <p>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p> |                                |         |         |           |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |  |   |                                     |  |
|-----|------------------------|---|-------------------------------------|--|----------------|----------|----------------|--|--|--|---|-------------------------------------|--|
|     |                        | <p>liên với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |                                     | <p>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="936 1294 1850 1442"> <thead> <tr> <th data-bbox="936 1294 1032 1337">STT</th> <th data-bbox="1032 1294 1361 1337">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1361 1294 1850 1337">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="936 1337 1032 1442"></td> <td data-bbox="1032 1337 1361 1442"></td> <td data-bbox="1361 1337 1641 1442">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6</td> <td data-bbox="1641 1337 1850 1442">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |  |
| STT | Nội dung               | Mức thu (đồng)  |                                     |  |                |          |                |  |  |  |   |                                     |  |
|     |                        | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6   | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |  |                |          |                |  |  |  |   |                                     |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  |  |  |  | Căn cứ pháp lý   |  |                                     |  |          |  |        |        |          |   |        |        |  |
|----------|---|--|--|--|--|--|--|--|--|-------------------------------------|--|----------|--|--------|--------|----------|---|--------|--------|--|
|          |   |  |  | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th colspan="2"></th> <th colspan="2" style="text-align: center;"><b>Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;"><b>1</b></td> <td><b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td style="text-align: center;">28.000</td> <td style="text-align: center;">30.000</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;"><b>2</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td style="text-align: center;">15.000</td> <td style="text-align: center;">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |  |  |  |  |  | <b>Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  | <b>1</b> | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 30.000 | <b>2</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
|          |   | <b>Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b>  |  |  |  |  |  |  |  |                                     |  |          |  |        |        |          |   |        |        |  |
| <b>1</b> | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>  | 28.000   | 30.000   |  |  |  |  |  |  |                                     |  |          |  |        |        |          |   |        |        |  |
| <b>2</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>   | 15.000   | 30.000   |  |  |  |  |  |  |                                     |  |          |  |        |        |          |   |        |        |  |
| 16       | <p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p> <p>(1.012820.H56)</p> | <p>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> </ul>   |  |  |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15</p> |  |                                     |  |          |  |        |        |          |   |        |        |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
|---|--------------------------------|--|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|
|   |                                | đất không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy | chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).<br>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: | <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 778 1843 1380"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>190.000</td> <td>260.000</td> <td>310.000</td> </tr> </tbody> </table> <p><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
|   |                                | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận            | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000  | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000  | 260.000  | 310.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   |                                       |                |                |                  | Căn cứ pháp lý |
|---|------------------------|--|---|---|---------------------------------------|----------------|----------------|------------------|----------------|
|   |                        | <p>chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p><a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br/>(một phần)</p> | <p>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p>       | <p>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</p> | <p>850.000</p> | <p>850.000</p> | <p>1.100.000</p> |                |
|   |                        |  |   | <p>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | <p>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</p> | <p>510.000</p> | <p>510.000</p> | <p>660.000</p>   |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp</li> </ul> |                        |  |   |   |                                       |                |                |                  |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 927 1850 1337"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|--|---|--|
|    |   |  |  | <p>thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |  |
| 17 | <p>Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng</p> <p>(1.012766.H56)</p> | <p>03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</li> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/ QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
|---|--------------------------------|--|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|---|
|   |                                | <p>hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã</p> | <p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 627 1843 738"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 738 1843 815"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 815 1189 1002">Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 815 1375 1002">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1375 815 1525 1002">320.000</td> <td data-bbox="1525 815 1675 1002">430.000</td> <td data-bbox="1675 815 1843 1002">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1002 1189 1225">Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1002 1375 1225">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1375 1002 1525 1225">190.000</td> <td data-bbox="1525 1002 1675 1225">260.000</td> <td data-bbox="1675 1002 1843 1225">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1225 1843 1265"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | <p>ơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
|   |                                | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận              | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000  | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận        | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000  | 260.000  | 310.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                               |                                |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |         |         |           | Căn cứ pháp lý |
|--|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|---------|---------|-----------|----------------|
|  |                        | miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 |                |
|  |                        |  |                    | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000   |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> </ul> |                        |  |                    |  |                                |         |         |           |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |  |
|-----|---|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|--|
|     |   |  |                                     | <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn.</p> <p>Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1118 1850 1417"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung                                | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |  |
|     |   | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |   | Căn cứ pháp lý  |        |        |   |  |
|----|--|---|--|---|---|---|--------|--------|---|--|
|    |  |   |  | <table border="1"> <tr> <td data-bbox="920 293 1039 408">2</td> <td data-bbox="1039 293 1359 408">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1359 293 1644 408">15.000</td> <td data-bbox="1644 293 1865 408">30.000</td> </tr> </table>  | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính  | 15.000 | 30.000 | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |  |
| 2  | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính   | 15.000  | 30.000   |   |   |   |        |        |   |  |
| 18 | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên</p> <p>(1.012768.H56)</p> | <p>- Thủ tục đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất: 05 ngày làm việc;</p> <p>- Thủ tục thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề: 07 ngày làm việc;</p> <p>- Thủ tục giảm</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên</li> </ul> |   | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số</p> |        |        |   |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
|---|--------------------------------|---|---|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|---|
|   |                                | <p>diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên: 10 ngày làm việc.</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất</p> | <p>trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc">https://dichvuc</a></p> | <p>quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 659 1843 770"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 770 1843 850"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 850 1189 1034">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 850 1373 1034">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1373 850 1525 1034">320.000</td> <td data-bbox="1525 850 1677 1034">430.000</td> <td data-bbox="1677 850 1843 1034">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1034 1189 1257">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1034 1373 1257">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1373 1034 1525 1257">190.000</td> <td data-bbox="1525 1034 1677 1257">260.000</td> <td data-bbox="1677 1034 1843 1257">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1257 1843 1297"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1297 1189 1441">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy</td> <td data-bbox="1189 1297 1373 1441">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1373 1297 1525 1441">850.000</td> <td data-bbox="1525 1297 1677 1441">850.000</td> <td data-bbox="1677 1297 1843 1441">1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | <p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
|   |                                | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận            | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                               |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy                       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                | Phí, lệ phí  |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---|-----------------------------------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|
|    |                        | có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.<br>Đối với các xã miền núi, hải | ong.thanhhoa.gov.vn<br>(một phần) | chứng nhận<br>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  | đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                                     | <p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 740 1850 1153"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024   | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|--|--|---|
|    |   |  |  | Trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên thì Văn phòng Đăng ký đất đai đo đạc, xác định lại diện tích thửa đất bằng kinh phí của Nhà nước.  |   |
| 19 | Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (1.012769.H56) | <p>- Đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc;</p> <p>- Đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký: 07 ngày làm việc.</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <p>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p> <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
|---|--------------------------------|---|---|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|-----------|------------|------------|---------|---------|---------|---|
|   |                                | <p>thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận</p> | <p>ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 568 1843 683"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 683 1843 759"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 759 1189 943">Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 759 1375 943">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1375 759 1525 943">320.000</td> <td data-bbox="1525 759 1675 943">430.000</td> <td data-bbox="1675 759 1843 943">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 943 1189 1166">Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 943 1375 1166">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1375 943 1525 1166">190.000</td> <td data-bbox="1525 943 1675 1166">260.000</td> <td data-bbox="1675 943 1843 1166">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1166 1843 1206"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1206 1189 1390">Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1206 1375 1390">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1375 1206 1525 1390">850.000</td> <td data-bbox="1525 1206 1675 1390">850.000</td> <td data-bbox="1675 1206 1843 1390">1.100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1390 1189 1439">Chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1390 1375 1439">Hồ sơ/Giấy</td> <td data-bbox="1375 1390 1525 1439">510.000</td> <td data-bbox="1525 1390 1675 1439">510.000</td> <td data-bbox="1675 1390 1843 1439">660.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | Chứng nhận | Hồ sơ/Giấy | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
|   |                                | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận              | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận        | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                               |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận              | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |
| Chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy                     | 510.000   | 510.000   | 660.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |            |            |         |         |         |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                            |  |  | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|---|--------------------|--|----------------------------|--|--|----------------|--|
|    |                        | <p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |                    | <p>biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | <p>chứng nhận/Thửa đất</p> |  |  |                | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 703 1850 1118"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |  |  |
|----------|--|---|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|--|--|
| 20       | <p>Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức</p> <p>(1.012770.H56)</p> | <p>08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1394 1850 1437"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1394 1189 1437">Nội dung</th> <th data-bbox="1189 1394 1379 1437">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1379 1394 1850 1437">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p> |
| Nội dung | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |  |  |                |             |                |  |  |  |  |
|          |  |   |  |  |                |             |                |  |  |  |  |



| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |  |  |     |         | Căn cứ pháp lý |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |  |  |  |  |  |
|--|--------------------------------|---|--------------------|---|--|--|-----|---------|----------------|--|--------------------------------|---------|---------|-----------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|
|  |                                | khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.<br>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th></th> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>850.000</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> <tr> <td>Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>510.000</td> <td>510.000</td> <td>660.000</td> </tr> </tbody> </table>  |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 |  |  |  |  | gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
|  |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản  |  |  |     |         |                |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |  |  |  |  |  |
| Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000            | 1.100.000   |  |  |     |         |                |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |  |  |  |  |  |
| Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000   | 510.000            | 660.000   |  |  |     |         |                |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |  |  |  |  |  |
|  |                                |   |                    | <p>- Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách</li> </ul> |  |  |     |         |                |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |  |  |  |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |   |   |        |   |                                       |        |  |
|-----|---|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|----------------|---|---|--------|---|---------------------------------------|--------|--|
|     |   |                     |                    | <p>mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="936 1267 1850 1430"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ | 30.000 |  |
| STT | Nội dung                                | Mức thu (đồng)      |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |                                       |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 30.000              |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |                                       |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ   | 30.000              |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |                                       |        |  |

| TT           | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |  |  |
|--------------|---|--|---|---|--|--|--|
|              |   |  |   | <table border="1" data-bbox="943 296 1843 341"> <tr> <td data-bbox="943 296 1585 341">sơ địa chính</td> <td data-bbox="1585 296 1843 341"></td> </tr> </table> <p>Tổ chức khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   | sơ địa chính   |  |  |
| sơ địa chính |   |  |   |   |  |  |  |
| 21           | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng</p> | <p>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng: 08 ngày làm việc;</p> <p>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày</p> |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
|---|---|---|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|
|   | quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài | hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai: 08 ngày làm việc;<br>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp: 08 ngày làm việc;<br>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm: 15 ngày | ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).<br>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p>quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 727 1850 852"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 852 1850 935"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 935 1189 1139">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 935 1379 1139">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 935 1529 1139">320.000</td> <td data-bbox="1529 935 1680 1139">430.000</td> <td data-bbox="1680 935 1850 1139">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1139 1189 1385">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1139 1379 1385">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1139 1529 1385">190.000</td> <td data-bbox="1529 1139 1680 1385">260.000</td> <td data-bbox="1680 1139 1850 1385">310.000</td> </tr> </tbody> </table> <p data-bbox="943 1385 1850 1430"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung  | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
|   |   | Đất   | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |   |   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận            | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 320.000   | 430.000  | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 190.000   | 260.000  | 310.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                |         |         |           | Căn cứ pháp lý |
|---|------------------------|---|--------------------|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|----------------|
|   | (1.012772.H56)         | <p>làm việc;<br/>- Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 10 ngày làm việc;<br/>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm</p> |                    | <p>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p>       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 |                |
|   |                        |   |                    | <p>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000   |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> |                        |   |                    |   |                                |         |         |           |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  | quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở |                                     | <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 967 1850 1422"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 967 1037 1007">STT</th> <th data-bbox="1037 967 1317 1007">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1317 967 1850 1007">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1007 1037 1174"></td> <td data-bbox="1037 1007 1317 1174"></td> <th data-bbox="1317 1007 1659 1174">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th data-bbox="1659 1007 1850 1174">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 1174 1037 1297">1</td> <td data-bbox="1037 1174 1317 1297">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1317 1174 1659 1297">28.000</td> <td data-bbox="1659 1174 1850 1297">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1297 1037 1422">2</td> <td data-bbox="1037 1297 1317 1422">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1317 1297 1659 1422">15.000</td> <td data-bbox="1659 1297 1850 1422">30.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024   | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|---|---|--|
|    |  | <p>hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |   | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |  |
| 22 | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh</p> | <p>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống</p>   | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br/>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p>   | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |                                |         |         |           |   |
|---|--|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|---|
|   | nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp<br><br>(1.012793.H56) | nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian xác định giá đất, ký hợp đồng thuê đất, không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại | Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | + Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 1150 1850 1437"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>850.000</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của |
| Nội dung  | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |                                |         |         |           |   |
|   |  | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |                                |         |         |           |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất   | 850.000  | 850.000  | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |                                |         |         |           |   |



| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                       |                |                |                | Căn cứ pháp lý  |
|---|------------------------|--|--------------------|---|---------------------------------------|----------------|----------------|----------------|---|
|   |                        | <p>chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p> |                    | <p>chứng nhận</p> <p>- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p>   | <p>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</p> | <p>510.000</p> | <p>510.000</p> | <p>660.000</p> | <p>HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> |                        |  |                    | <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> </ul> |                                       |                |                |                |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
|-----|--|---|--------------------|---|----------------|----------|----------------|---|---|--------|---|--|--------|--|
|     |  | khãn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1015 1850 1222"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1015 1032 1054">STT</th> <th data-bbox="1032 1015 1585 1054">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 1015 1850 1054">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 1054 1032 1139">1</td> <td data-bbox="1032 1054 1585 1139">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1585 1054 1850 1139">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1139 1032 1222">2</td> <td data-bbox="1032 1139 1585 1222">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1585 1139 1850 1222">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)  |                    |   |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 30.000  |                    |   |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 30.000  |                    |   |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|--|---|--|
|    |  |  |  | đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.  |  |
| 23 | <p>Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu</p> <p>(1.012794.H56)</p> | <p>05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp</p> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
|--|--------------------------------|---|---|---|--|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|-----------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|
|  |                                | <p>luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 376 1843 504"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 504 1843 584"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024.</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 584 1189 791">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 584 1379 791">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 584 1525 791">320.000</td> <td data-bbox="1525 584 1682 791">430.000</td> <td data-bbox="1682 584 1843 791">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 791 1189 1031">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 791 1379 1031">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 791 1525 1031">190.000</td> <td data-bbox="1525 791 1682 1031">260.000</td> <td data-bbox="1682 791 1843 1031">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1031 1843 1078"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1078 1189 1286">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1078 1379 1286">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1078 1525 1286">850.000</td> <td data-bbox="1525 1078 1682 1286">850.000</td> <td data-bbox="1682 1078 1843 1286">1.100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1286 1189 1442">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới</td> <td data-bbox="1189 1286 1379 1442">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1286 1525 1442">510.000</td> <td data-bbox="1525 1286 1682 1442">510.000</td> <td data-bbox="1682 1286 1843 1442">660.000</td> </tr> </tbody> </table> |  |  |  |  | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024.</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |   |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
|  |                                | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024.</b> |                                |   |   |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận             | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                                |                                |   |   |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận             | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới                       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000   | 510.000   | 660.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |                                |         |         |         |   |

| TT              | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |  |  |  |  |  |
|-----------------|------------------------|---------------------|--------------------|---|-----------------|--|--|--|--|--|
|                 |                        |                     |                    | <table border="1" data-bbox="943 300 1850 379"> <tr> <td data-bbox="943 300 1184 379">Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1184 300 1379 379"></td> <td data-bbox="1379 300 1529 379"></td> <td data-bbox="1529 300 1680 379"></td> <td data-bbox="1680 300 1850 379"></td> </tr> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách</li> </ul> | Giấy chứng nhận |  |  |  |  |  |
| Giấy chứng nhận |                        |                     |                    |   |                 |  |  |  |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 596 1850 1050"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |  |  |
|----------|--|---|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|--|--|
| 24       | Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ<br><br>(1.012795.H56) | Thực hiện trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo;<br>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, | - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1394 1850 1437"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1394 1189 1437">Nội dung</th> <th data-bbox="1189 1394 1379 1437">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1379 1394 1850 1437">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</li> </ul> |
| Nội dung | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |  |  |                |             |                |  |  |  |  |
|          |  |   |  |  |                |             |                |  |  |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |         |         |                | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|---------|---------|----------------|----------------|--|
|    |                        |  |                    |  |                                | Đất     | Tài sản | Đất và tài sản |                |  |
|    |                        | thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng |                    |  |                                |         |         |                |                | gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000        |                |  |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000        |                |  |
|    |                        |  |                    | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> </ul> |                                |         |         |                |                |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
|-----|--|---|--------------------|--|----------------|----------|----------------|---|---|--------|---|--|--------|--|
|     |  | <p>đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>* Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |                    | <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1078 1850 1286"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1078 1032 1118">STT</th> <th data-bbox="1032 1078 1585 1118">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 1078 1850 1118">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 1118 1032 1201">1</td> <td data-bbox="1032 1118 1585 1201">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1585 1118 1850 1201">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1201 1032 1286">2</td> <td data-bbox="1032 1201 1585 1286">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1585 1201 1850 1286">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000  |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000  |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|---|--|---|
|    |  |   |   | * Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.  |   |
| 25 | Đăng ký chuyên mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền<br><br>(1.012815.H56) | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
|---|--------------------------------|--|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|---|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|-----------------------------|------------------|---------|---------|---------|---|
|   |                                | <p>hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã</p> | <p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 459 1843 584"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 584 1843 667"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 667 1189 874">1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 667 1379 874">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 667 1529 874">320.000</td> <td data-bbox="1529 667 1680 874">430.000</td> <td data-bbox="1680 667 1843 874">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 874 1189 1118">2. Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 874 1379 1118">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 874 1529 1118">190.000</td> <td data-bbox="1529 874 1680 1118">260.000</td> <td data-bbox="1680 874 1843 1118">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1118 1843 1161"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1161 1189 1369">1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1161 1379 1369">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1161 1529 1369">850.000</td> <td data-bbox="1529 1161 1680 1369">850.000</td> <td data-bbox="1680 1161 1843 1369">1.100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1369 1189 1442">2. Chứng nhận biến động đất</td> <td data-bbox="1189 1369 1379 1442">Hồ sơ/Giấy chứng</td> <td data-bbox="1379 1369 1529 1442">510.000</td> <td data-bbox="1529 1369 1680 1442">510.000</td> <td data-bbox="1680 1369 1843 1442">660.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b> |  |  |  |  | 1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | 2. Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | 1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | 2. Chứng nhận biến động đất | Hồ sơ/Giấy chứng | 510.000 | 510.000 | 660.000 | <p>ơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
|   |                                | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b> |                                |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| 1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000  | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| 2. Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000  | 260.000  | 310.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                           |                                |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| 1. Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000  | 850.000  | 1.100.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |
| 2. Chứng nhận biến động đất   | Hồ sơ/Giấy chứng               | 510.000  | 510.000  | 660.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |         |   |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |                             |                  |         |         |         |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                 |               |  |  |  | Căn cứ pháp lý |
|---|------------------------|--|--------------------|---|---------------|--|--|--|----------------|
|   |                        | miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | nhận/Thửa đất |  |  |  |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi</li> </ul> |                        |  |                    |   |               |  |  |  |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 707 1850 1161"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |  |  |
|----------|---|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|--|--|
| 26       | <p>Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014</p> <p>(1.012813.H56)</p> | <p>Không quy định (nhưng thực tế giải quyết là: 20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu.</p> <p>Thời gian trên không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ</p> | <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1394 1850 1437"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1394 1189 1437">Nội dung</th> <th data-bbox="1189 1394 1379 1437">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1379 1394 1850 1437">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p> |
| Nội dung | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |  |  |
|          |   |   |   |   |                |             |                |  |  |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện             | Phí, lệ phí |         |         |         |                | Căn cứ pháp lý   |
|--|------------------------|--|--------------------------------|-------------|---------|---------|---------|----------------|--|
|  |                        |  |                                |             |         | Đất     | Tài sản | Đất và tài sản |  |
|  |                        | tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền |                                |             |         |         |         |                | gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
|  |                        | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000     | 430.000 | 510.000 |         |                |  |
|  |                        | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000     | 260.000 | 310.000 |         |                |  |
| <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> </ul> |                        |  |                                |             |         |         |         |                |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
|-----|--|--|--------------------|--|----------------|----------|----------------|---|---|--------|---|--|--------|--|
|     |  | <p>với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>*Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.)</p> |                    | <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1077 1850 1284"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1077 1032 1118">STT</th> <th data-bbox="1032 1077 1547 1118">Nội dung</th> <th data-bbox="1547 1077 1850 1118">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 1118 1032 1198">1</td> <td data-bbox="1032 1118 1547 1198">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1547 1118 1850 1198">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1198 1032 1278">2</td> <td data-bbox="1032 1198 1547 1278">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1547 1198 1850 1278">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |



| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|--|--|--|
|    |   |  |  | * Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.  |  |
| 27 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp (1.012781.H56) | Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận: 10 ngày làm việc;<br>Trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận: 23 ngày làm việc.<br>Thời gian thực hiện kể từ ngày nhận được hồ sơ | - Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> </ul> </li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện</li> </ul> | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|--|--------------------|---|--|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--------------|------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                | <p>đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại</p> |                    | <p>miền núi.<br/>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 376 1850 1442"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy</td> <td>190.000</td> <td>260.000</td> <td>310.000</td> </tr> </tbody> </table> |  |  |  |  | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận | Hồ sơ/Giấy | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <p>Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br/>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
|  |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản  |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000            | 610.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000            | 180.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |                                |  |                    |   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000            | 510.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy                     | 190.000  | 260.000            | 310.000   |  |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                            |  |  | Căn cứ pháp lý |   |
|----|------------------------|--|--------------------|--|----------------------------|--|--|----------------|---|
|    |                        | <p>chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p> |                    | <p>biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | <p>chứng nhận/Thửa đất</p> |  |  |                | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi</li> </ul> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
|---|------------------------|---|--------------------|--|----------------|----------------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|--------|--|
|   |                        | khãn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | <p>hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 708 1850 1166"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 708 1585 751">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 708 1850 751">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 751 1585 831"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1585 751 1850 831"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 831 1585 911">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1585 831 1850 911">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 911 1585 991"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1585 911 1850 991"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 991 1585 1038">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1585 991 1850 1038">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1038 1585 1086"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1585 1038 1850 1086">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1086 1585 1166"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1585 1086 1850 1166">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng</p> | Nội dung       | Mức thu (đồng) | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu (đồng)         |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                 |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |   |                    |  |                |                |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|---|--|
|    |   |   |  | tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.  |  |
| 28 | <p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận</p> <p>(1.012782.H56)</p> | <p>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thông nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám</p> | <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử</p> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|----------------------------|------------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                | <p>định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện</p> |                    | <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 533 1850 655"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất | Hồ sơ/Giấy chứng | 320.000 | 430.000 | 510.000 | <p>dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
|  |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000   | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000   | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất   | Hồ sơ/Giấy chứng               | 320.000   | 430.000            | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                            |                  |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|---|--------------------------------|---------|---------|---------|----------------|
|    |                        | kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | đại thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | nhận/Thửa đất                  |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 |                |
|    |                        |  |                    | <p>- Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở,</li> </ul> |                                |         |         |         |                |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
|----------|--|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|----------------|----------|---|--|---|--|---------|----------|--|--|---|-------------|--------|----------|--|--------|----------|---|--------|--|
|          |  |                     |                    | <p>giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="936 855 1850 1353"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td><b>2</b></td> <td><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> </tr> <tr> <td><b>3</b></td> <td><b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td>28.000</td> </tr> <tr> <td><b>4</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | - | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | - | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3</b> | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| STT      | Nội dung   | Mức thu (đồng)      |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                     |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                 | 100.000             |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                     |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu  | 40.000              |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| <b>3</b> | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000              |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |
| <b>4</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000              |                    |  |                |          |                |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |  |        |          |   |        |  |



| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|--|--|---|
|    |   |   |  | <p>thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   |   |
| 29 | <p>Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</p> <p>(1.012783.H56)</p> | <p>- Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: 05 ngày làm việc;</p> <p>- Trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024: 10 ngày làm việc, trừ trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo đạc</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra</p> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
|--|--------------------------------|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|--------|--------|---------|---|--|--|--|--|----------------------------------|--------------------------------|---------|---------|---------|---|
|  |                                | <p>lập bản đồ địa chính thì thời gian thực hiện theo dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian</p> | <p>kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 453 1843 568"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 568 1843 644"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 644 1843 683"><b>Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 683 1207 868">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1207 683 1395 868">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1395 683 1547 868">290.000</td> <td data-bbox="1547 683 1700 868">290.000</td> <td data-bbox="1700 683 1843 868">360.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 868 1207 1241">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td data-bbox="1207 868 1395 1241">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1395 868 1547 1241">90.000</td> <td data-bbox="1547 868 1700 1241">90.000</td> <td data-bbox="1700 868 1843 1241">110.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1241 1843 1279"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1279 1207 1426">Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1207 1279 1395 1426">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1395 1279 1547 1426">470.000</td> <td data-bbox="1547 1279 1700 1426">450.000</td> <td data-bbox="1700 1279 1843 1426">600.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | <b>Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 290.000 | 290.000 | 360.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 90.000 | 90.000 | 110.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 470.000 | 450.000 | 600.000 | <p>cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
|  |                                | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b>  |                                |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| <b>Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận</b>  |                                |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 290.000  | 290.000  | 360.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 90.000   | 90.000   | 110.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>  |                                |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |
| Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 470.000  | 450.000  | 600.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |        |        |         |   |  |  |  |  |                                  |                                |         |         |         |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--------------------|--|----------------|
|    |                        | <p>xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu,</p> |                    | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
|-----|--|---|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|--|--|-------------------------------------|---|---|--|--|---|--|--------|--------|---|--|--|--|---|--|--------|---------|---|---|--------|--------|--|
|     |  | vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                                     | <p>trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 443 1850 1305"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 443 1037 667">STT</th> <th data-bbox="1037 443 1361 667">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1361 443 1850 483">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <td data-bbox="943 483 1037 667"></td> <td data-bbox="1037 483 1361 667"></td> <th data-bbox="1361 483 1644 667">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th data-bbox="1644 483 1850 667">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 667 1037 746">1</td> <td data-bbox="1037 667 1361 746"><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1361 667 1644 746"></td> <td data-bbox="1644 667 1850 746"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 746 1037 930">-</td> <td data-bbox="1037 746 1361 930">Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1361 746 1644 930">50.000</td> <td data-bbox="1644 746 1850 930">50.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 930 1037 1010">2</td> <td data-bbox="1037 930 1361 1010"><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1361 930 1644 1010"></td> <td data-bbox="1644 930 1850 1010"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1010 1037 1193">-</td> <td data-bbox="1037 1010 1361 1193">Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1361 1010 1644 1193">30.000</td> <td data-bbox="1644 1010 1850 1193">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1193 1037 1305">3</td> <td data-bbox="1037 1193 1361 1305"><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1361 1193 1644 1305">15.000</td> <td data-bbox="1644 1193 1850 1305">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 50.000 | 50.000 | 2 | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | - | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 30.000 | 100.000 | 3 | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)  |                                     |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024  | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
| 1   | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>                        |   |                                     |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
| -   | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 50.000  | 50.000                              |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
| 2   | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>             |   |                                     |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
| -   | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 30.000  | 100.000                             |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |
| 3   | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>  | 15.000  | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |  |  |   |  |        |        |   |  |  |  |   |  |        |         |   |   |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|--|--|--|
|    |  |  |  | <p>thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |  |
| 30 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất (1.012784.H56) | 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian này không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức, cơ sở tôn giáo, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <p>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</p> <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
|---|--------------------------------|---|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|-----------|--|
|   |                                | <p>chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 05 ngày làm</p> | <p>tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 630 1848 1289"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>850.000</td> <td>850.000</td> <td>1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm</p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | <p>đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
|   |                                | Đất   | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b> |                                |   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận        | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000  | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                           |                                |   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận        | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000  | 1.100.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |           |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|
|    |                        | việc.               |                    | <p>thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý                 |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|--------------------------------|----------|----------------|--|--|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 612 1843 1066"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 612 1037 655">STT</th> <th data-bbox="1037 612 1317 655">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1317 612 1843 655">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <td data-bbox="943 655 1037 815"></td> <td data-bbox="1037 655 1317 815"></td> <th data-bbox="1317 655 1659 815">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th data-bbox="1659 655 1843 815">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 815 1037 938">1</td> <td data-bbox="1037 815 1317 938">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1317 815 1659 938">28.000</td> <td data-bbox="1659 815 1843 938">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 938 1037 1066">2</td> <td data-bbox="1037 938 1317 1066">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1317 938 1659 1066">15.000</td> <td data-bbox="1659 938 1843 1066">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT                            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                                |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 31  | Cấp lại Giấy chứng nhận                            | 10 ngày làm việc kể từ ngày  | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết      | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh</p>   | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |



| TT       | Tên thủ tục hành chính      | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |
|----------|-----------------------------|--|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|--|
|          | do bị mất<br>(1.012786.H56) | nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối | quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).<br>- Chi nhánh Văn phòng | <p><i>Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</i></p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1315 1850 1437"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản |  |  |  |  |  | ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống |
| Nội dung | Đơn vị tính                 | Mức thu (đồng)   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |
|          |                             | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |
|          |                             |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý   |
|--|--------------------------------|--|---|---|--|--|--|--|--|
|  |                                | <p>với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p>đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (toàn trình)</p> | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai 2024</b> |  |  |  |  | <p>thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| <b>Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận</b>  |                                |  |   |   |  |  |  |  |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 290.000  | 290.000   | 360.000   |  |  |  |  |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 90.000   | 90.000  | 110.000   |  |  |  |  |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>  |                                |  |   |   |  |  |  |  |  |
| Cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 470.000  | 450.000   | 600.000   |  |  |  |  |  |
| Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch   |                                |  |   |   |  |  |  |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p>vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về</li> </ul> |                |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
|----------|--|--|-------------------------------------|--|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|----------|---|--|--|---|--|--------|--------|----------|--|--|--|---|--|--------|---------|----------|------------------------------|--------|--------|--|
|          |  |  |                                     | <p>đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 651 1850 1433"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận</td> <td>50.000</td> <td>50.000</td> </tr> <tr> <td><b>2</b></td> <td><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận</td> <td>30.000</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td><b>3</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn</b></td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 50.000 | 50.000 | <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  | - | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 30.000 | 100.000 | <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| STT      | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
|          |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
| <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>                        |  |                                     |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
| -        | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 50.000   | 50.000                              |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
| <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>             |  |                                     |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
| -        | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 30.000   | 100.000                             |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |
| <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn</b>   | 15.000   | 30.000                              |  |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |        |        |          |  |  |  |   |  |        |         |          |                              |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |                              |  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|--|---|------------------------------|--|--|
|    |  |  |  |   | bản, số liệu hồ sơ địa chính |  |  |
|    |  |  |  | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   |                              |  |  |
| 32 | <p>Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản</p> <p>(1.012788.H56)</p> | <p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức, trừ trường hợp bên nhận chuyển nhượng dự án</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</li> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> |                              |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
|---|--------------------------------|--|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|---|
|   |                                | <p>có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải</p> | <p>là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 619 1843 730"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 730 1843 810"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 810 1843 847"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 847 1189 1034">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1189 847 1379 1034">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 847 1529 1034">500.000</td> <td data-bbox="1529 847 1680 1034">500.000</td> <td data-bbox="1680 847 1843 1034">610.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1034 1189 1441">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng</td> <td data-bbox="1189 1034 1379 1441">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1379 1034 1529 1441">150.000</td> <td data-bbox="1529 1034 1680 1441">150.000</td> <td data-bbox="1680 1034 1843 1441">180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
|   |                                | Đất  | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b>   |                                |  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |                                |  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000   | 610.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000   | 180.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí                    |           |           |           |  | Căn cứ pháp lý   |  |
|---|------------------------|--|--|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|--|--|--|
|   |                        | đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |  | thêm                           |           |           |           |  | HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>        |                        |  |  |                                |           |           |           |  |  |  |
|   |                        |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |  |  |  |
|   |                        |  | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |  |  |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |                        |  |  |                                |           |           |           |  |  |  |
|   |                        |  | <b>1. Cấp lần đầu</b>  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |  |  |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>        |                        |  |  |                                |           |           |           |  |  |  |
|   |                        |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |  |  |  |
|   |                        |  | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000   | 510.000   | 660.000   |  |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi</li> </ul> |                |



| TT       | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
|----------|---|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|----------|---|--|--|---|--|---------|---------|---|--|--|---------|---|--|--------|--------|--|
|          |   |  |                                     | <p>hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 746 1850 1418"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> <td>600.000</td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản trên đất</td> <td></td> <td>400.000</td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp</td> <td>50.000</td> <td>50.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | - | Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản trên đất |  | 400.000 | - | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp | 50.000 | 50.000 |  |
| STT      | Nội dung  | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
|          |   | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
| <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
| -        | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                      | 100.000  | 600.000                             |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
| -        | Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sở hữu tài sản trên đất                            |  | 400.000                             |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |
| -        | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp                    | 50.000   | 50.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |          |   |  |  |   |  |         |         |   |  |  |         |   |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính                              | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |  |        | Căn cứ pháp lý  |  |
|----|---|--|--|---|--|--------|---|--|
|    |   |  |  |   |  |        |   |  |
|    |   |  |  |   | đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận  |        |   |  |
|    |   |  |  | -   | Chứng nhận tài sản trên đất lần đầu  |        | 450.000   |  |
|    |   |  |  | <b>2</b>  | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>             |        |   |  |
|    |   |  |  | -   | Cấp lần đầu  | 40.000 | 200.000   |  |
|    |   |  |  | -   | Cấp lại (kể cả cấp lại giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào giấy chứng nhận | 30.000 | 100.000   |  |
|    |   |  |  | <b>3</b>  | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000 | 30.000  |  |
|    |   |  |  | <b>4</b>  | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>  | 15.000 | 30.000  |  |
|    |   |  |  | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |  |        |   |  |
| 33 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp<br>(1.012790.H56) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm | <b>1. Phí thẩm định (thu đối với trường hợp sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính; sai sót thông tin trong hồ sơ và trên Giấy chứng nhận do người sử dụng đất kê khai sai): Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ</b>  |  |        | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|----------|------------------------|---|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|---|
|          |                        | <p>thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận</p> | <p>Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> | <p><i>thể:</i></p> <p>a a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</li> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí:</li> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1305 1843 1422"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản |  |  |  |  |  | <p>ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</p> |
| Nội dung | Đơn vị tính            | Mức thu (đồng)  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |                        | Đất   | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |                        |   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   |         |           |  |  | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---|---|---|---------|-----------|--|--|---|
|    |                        | <p>quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p>thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cộng đồng dân cư mà Giấy chứng nhận được cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất có sai sót).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></p>  |         |           |  |  | <p>10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
|    |                        | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 320.000   | 430.000 | 510.000   |  |  |   |
|    |                        | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 190.000   | 260.000 | 310.000   |  |  |   |
|    |                        | <p><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></p>  |   |   |         |           |  |  |   |
|    |                        | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 850.000   | 850.000 | 1.100.000 |  |  |   |
|    |                        | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 510.000   | 510.000 | 660.000   |  |  |   |
|    |                        |   |   | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> |         |           |  |  |   |
|    |                        |   |   | <p><b>2. Lệ phí (thu đối với trường hợp sai sót thông tin của người được</b></p>  |         |           |  |  |   |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p><b>cấp Giấy chứng nhận so với với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính; sai sót thông tin trong hồ sơ và trên Giấy chứng nhận do người sử dụng đất kê khai sai): Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</b></p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|---|---|---|---|--|----------|----------------|--|--|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |   |   |   | <p>xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 408 1850 820"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 408 1037 443">STT</th> <th data-bbox="1037 408 1361 443">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1361 408 1850 443">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <td data-bbox="943 443 1037 632"></td> <td data-bbox="1037 443 1361 632"></td> <th data-bbox="1361 443 1644 632">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th data-bbox="1644 443 1850 632">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 632 1037 708">1</td> <td data-bbox="1037 632 1361 708">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1361 632 1644 708">28.000</td> <td data-bbox="1644 632 1850 708">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 708 1037 820">2</td> <td data-bbox="1037 708 1361 820">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1361 708 1644 820">15.000</td> <td data-bbox="1644 708 1850 820">30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT  | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung  | Mức thu (đồng)  |   |   |  |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |   | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024  | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai   |   |  |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai   | 28.000  | 30.000  |   |  |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính  | 15.000  | 30.000  |   |  |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 34  | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và | (1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp: 25 ngày làm việc;<br>(2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: | * Phí thẩm định, lệ phí: Không.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.  | - Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của |          |                |  |  |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|--|--|-------------|---|
|    | <p>cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi</p> <p>(1.012791.H56)</p> | <p>hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu thì thời gian thực hiện đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận không quá 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận lần đầu là không quá 03 ngày làm việc).</li> <li>- Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp do đăng ký biên động thì thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định đối với</li> </ul> | <p>Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài và trường hợp cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng</p> |             | <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--|-------------|----------------|
|    |                        | <p>từng trường hợp đăng ký biên động theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 22 của Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ.</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý</p> | <p>đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, hộ gia đình, cộng đồng dân cư mà Giấy chứng nhận cấp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất không đúng quy định của pháp luật đất đai).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> |             |                |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <p>đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng</p> |                    |             |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|---|---|
|    |   | có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.   |   |   |   |
| 35 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (1.012785.H56) | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá (Tổ chức, cơ sở tôn giáo; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên</li> </ul> | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
|---|--------------------------------|---|---|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|--|
|   |                                | <p>luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng</p> | <p>ngoài thực hiện dự án đầu tư).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện (Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam).</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a></p> | <p>quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 659 1848 775"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 775 1848 847"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 847 1189 1034">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 847 1379 1034">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 847 1529 1034">320.000</td> <td data-bbox="1529 847 1680 1034">430.000</td> <td data-bbox="1680 847 1848 1034">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1034 1189 1257">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1034 1379 1257">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1034 1529 1257">190.000</td> <td data-bbox="1529 1034 1680 1257">260.000</td> <td data-bbox="1680 1034 1848 1257">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1257 1848 1297"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1297 1189 1441">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy</td> <td data-bbox="1189 1297 1379 1441">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1297 1529 1441">850.000</td> <td data-bbox="1529 1297 1680 1441">850.000</td> <td data-bbox="1680 1297 1848 1441">1.100.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 | <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
|   |                                | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận            | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                               |                                |   |   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy                       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |                                |         |         |           |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý |
|---|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|----------------|
|   |                        | có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. | (một phần)         | chứng nhận   |                                |         |         |         |                |
|   |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,</li> </ul> |                        |  |                    |  |                                |         |         |         |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|--|--|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |  |  |                                     | <p>quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 742 1850 1153"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)   |                                     |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   | 30.000                              |   |                |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |  |  |
|----------|---|---|---|--|----------------|-------------|----------------|--|--|--|--|
| 36       | <p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản</p> <p>(1.012787.H56)</p> | <p>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a></p> <p>(một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sắp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1378 1845 1422"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 1378 1182 1422">Nội dung</th> <th data-bbox="1182 1378 1379 1422">Đơn vị tính</th> <th data-bbox="1379 1378 1845 1422">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản</p> |
| Nội dung | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |   |  |                |             |                |  |  |  |  |
|          |   |   |   |  |                |             |                |  |  |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện             | Phí, lệ phí |         |            |                |                       | Căn cứ pháp lý   |
|--|------------------------|---|--------------------------------|-------------|---------|------------|----------------|-----------------------|--|
|  |                        |   |                                |             |         | Đất        | Tài sản        | Đất và tài sản        |  |
|  |                        | tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.<br>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                                |             |         | <b>Đất</b> | <b>Tài sản</b> | <b>Đất và tài sản</b> | gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b>  |                        |   |                                |             |         |            |                |                       |  |
|  |                        | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000     | 430.000 | 510.000    |                |                       |  |
|  |                        | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000     | 260.000 | 310.000    |                |                       |  |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>  |                        |   |                                |             |         |            |                |                       |  |
|  |                        | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000     | 850.000 | 1.100.000  |                |                       |  |
|  |                        | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000     | 510.000 | 660.000    |                |                       |  |
| Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giám hoặc giám |                        |   |                                |             |         |            |                |                       |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p>thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị</li> </ul> |                |



| TT  | Tên thủ tục hành chính                                | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|-----|---|--|---|---|--|----------|----------------|--|--|-------------------------------------|---|---|--------|--------|---|--|--------|--------|--|
|     |   |  |   | <p>xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 408 1850 820"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</th> <th>Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> <td>30.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> <td>30.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT  | Nội dung | Mức thu (đồng) |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024 | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 30.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 | 30.000 |  |
| STT | Nội dung  | Mức thu (đồng)   |   |   |  |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
|     |   | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024   | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai   |   |  |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai               | 28.000   | 30.000  |   |  |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính    | 15.000   | 30.000  |   |  |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |
| 37  | Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai<br>(1.012789.H56) | - Thời hạn tiếp nhận, xử lý và thông báo: trong ngày làm việc, trường hợp từ chối cung cấp thông tin, dữ liệu thì phải nêu rõ lý do và trả | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28, | <p><b>I. Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai:</b></p> <p>1. Các trường hợp được miễn nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa)</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> </ul>   | - Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của |          |                |  |  |                                     |   |   |        |        |   |  |        |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
|--|---|---|---|--|----------------|----------|--|----------------|---|--|-------|---------|---|---|--------|---------|-----------|-----------|----------|-----------|-----|----------|-------------|----------------|--|--|--|--|---|---|------------|--------|---|---------------------------|-----------|--------|---|--|--|--|---|---|------------|--------|---|---------------------------|-----------|--------|--|
|  |   | <p>lời cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai biết trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>- Thời hạn trả kết quả:</p> <p>a) Đối với thông tin, dữ liệu có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì cung cấp ngay trong ngày làm việc. Trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc tiếp theo;</p> <p>b) Đối với thông tin, dữ liệu không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai thì chậm nhất là 03 ngày làm việc</p> | <p>Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã;</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (Toàn trình)</p> <p>(Trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai từ hồ sơ</p> | <p>- Ngành Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan Nhà nước thực hiện nhiệm vụ giải quyết hành chính có liên quan đến đất đai.</p> <p>- Chấp hành viên yêu cầu cung cấp tài liệu đất đai về tài sản kê biên.</p> <p>- Điều tra viên, kiểm sát viên và Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ phục vụ hoạt động tố tụng và điều tra.</p> <p>2. Mức thu:</p> <p>- Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với tài liệu chuyên ngành:</p> <table border="1" data-bbox="943 580 1850 951"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th></th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ giao đất, thuê đất, thu hồi đất ...).</td> <td>Hồ sơ</td> <td>300.000</td> </tr> <tr> <td rowspan="3">2</td> <td rowspan="3">Các loại bản đồ chuyên đề khác (trừ bản đồ hành chính, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình)</td> <td>Cấp xã</td> <td>500.000</td> </tr> <tr> <td>Cấp huyện</td> <td>1.000.000</td> </tr> <tr> <td>Cấp tỉnh</td> <td>2.000.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai đối với tài liệu hồ sơ địa chính</p> <table border="1" data-bbox="943 991 1850 1410"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="4"><b>1. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy</b></td> </tr> <tr> <td>a</td> <td>Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính</td> <td>Đồng/trang</td> <td>20.000</td> </tr> <tr> <td>b</td> <td>Cung cấp bản đồ địa chính</td> <td>Đồng/mảnh</td> <td>95.000</td> </tr> <tr> <td colspan="4"><b>2. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình dạng số</b></td> </tr> <tr> <td>a</td> <td>Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính</td> <td>Đồng/trang</td> <td>16.000</td> </tr> <tr> <td>b</td> <td>Cung cấp bản đồ địa chính</td> <td>Đồng/mảnh</td> <td>78.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung |  | Mức thu (đồng) | 1 | Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ giao đất, thuê đất, thu hồi đất ...). | Hồ sơ | 300.000 | 2 | Các loại bản đồ chuyên đề khác (trừ bản đồ hành chính, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình) | Cấp xã | 500.000 | Cấp huyện | 1.000.000 | Cấp tỉnh | 2.000.000 | STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) | <b>1. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy</b> |  |  |  | a | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính | Đồng/trang | 20.000 | b | Cung cấp bản đồ địa chính | Đồng/mảnh | 95.000 | <b>2. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình dạng số</b> |  |  |  | a | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính | Đồng/trang | 16.000 | b | Cung cấp bản đồ địa chính | Đồng/mảnh | 78.000 | <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa</p> |
| STT  | Nội dung  |   | Mức thu (đồng)  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| 1  | Phí khai thác, sử dụng tài liệu đất đai (hồ sơ giao đất, thuê đất, thu hồi đất ...).      | Hồ sơ   | 300.000   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| 2  | Các loại bản đồ chuyên đề khác (trừ bản đồ hành chính, bản đồ địa chính, bản đồ địa hình) | Cấp xã  | 500.000   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
|  |   | Cấp huyện   | 1.000.000   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
|  |   | Cấp tỉnh  | 2.000.000   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| STT  | Nội dung  | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| <b>1. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy</b> |   |   |   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| a  | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính   | Đồng/trang  | 20.000  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| b  | Cung cấp bản đồ địa chính   | Đồng/mảnh   | 95.000  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| <b>2. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình dạng số</b>        |   |   |   |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| a  | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính   | Đồng/trang  | 16.000  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |
| b  | Cung cấp bản đồ địa chính   | Đồng/mảnh   | 78.000  |  |                |          |  |                |   |  |       |         |   |   |        |         |           |           |          |           |     |          |             |                |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |         |                              |
|--|---|--|---|---|--|--|--|--|---|---|------------|--------|---|---------------------------|-----------|---------|------------------------------|
|  |   | <p>kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai phải thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu hoặc gửi thông báo về việc gia hạn thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cho tổ chức, cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai.</p> <p>Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan thì có</p> | <p><i>địa chính theo phân cấp quản lý hồ sơ địa chính).</i></p> | <table border="1" data-bbox="943 296 1843 507"> <tr> <td colspan="4" data-bbox="943 296 1843 379"><b>3. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy và số</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 379 1021 459">a</td> <td data-bbox="1021 379 1491 459">Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1491 379 1682 459">Đồng/trang</td> <td data-bbox="1682 379 1843 459">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 459 1021 507">b</td> <td data-bbox="1021 459 1491 507">Cung cấp bản đồ địa chính</td> <td data-bbox="1491 459 1682 507">Đồng/mảnh</td> <td data-bbox="1682 459 1843 507">137.000</td> </tr> </table> <p><i>Mức thu trên chưa bao gồm chi phí qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc chi phí trả kết quả theo địa điểm thoả thuận của đối tượng khai thác dữ liệu đất đai theo yêu cầu.</i></p> <p><b>II. Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất</b></p> <p>1. Các trường hợp miễn áp dụng thu phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm:</p> <p>a) Tổ chức, cá nhân tự tra cứu thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên trong Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia biện pháp bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.</p> <p>b) Tổ chức, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên.</p> <p>c) Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.</p> <p>d) Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.</p> <p>2. Mức thu phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án):</p> | <b>3. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy và số</b> |  |  |  | a | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính | Đồng/trang | 28.000 | b | Cung cấp bản đồ địa chính | Đồng/mảnh | 137.000 | <p>XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| <b>3. Phục vụ khai thác thông tin đất đai bằng hình thức dạng giấy và số</b> |   |  |   |   |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |         |                              |
| a  | Cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính | Đồng/trang   | 28.000  |   |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |         |                              |
| b  | Cung cấp bản đồ địa chính                     | Đồng/mảnh  | 137.000   |   |  |  |  |  |   |   |            |        |   |                           |           |         |                              |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |          |         |  |  |  |                |                |   |   |        |        |  |
|----|---|--|---|--|--|----------|---------|--|--|--|----------------|----------------|---|---|--------|--------|--|
|    |   | thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc;<br>c) Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai và tổ chức, cá nhân có thỏa thuận riêng về việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu đất đai thì thời gian cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai được xác định theo thỏa thuận. |   | <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng/hồ sơ</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th data-bbox="943 336 1016 416">TT</th> <th data-bbox="1016 336 1491 416">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1491 336 1850 376">Mức thu</th> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <th data-bbox="1491 376 1659 416"><i>Cá nhân</i></th> <th data-bbox="1659 376 1850 416"><i>Tổ chức</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 416 1016 504">1</td> <td data-bbox="1016 416 1491 504">Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm</td> <td data-bbox="1491 416 1659 504">30.000</td> <td data-bbox="1659 416 1850 504">50.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> | TT   | Nội dung | Mức thu |  |  |  | <i>Cá nhân</i> | <i>Tổ chức</i> | 1 | Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm | 30.000 | 50.000 |  |
| TT | Nội dung  | Mức thu  |   |  |  |          |         |  |  |  |                |                |   |   |        |        |  |
|    |   | <i>Cá nhân</i>   | <i>Tổ chức</i>  |  |  |          |         |  |  |  |                |                |   |   |        |        |  |
| 1  | Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm   | 30.000   | 50.000  |  |  |          |         |  |  |  |                |                |   |   |        |        |  |
| 38 | Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có   | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều</li> </ul> </li> </ul>  | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số |          |         |  |  |  |                |                |   |   |        |        |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |
|---|---|---|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--------------------|--|--|--|--|--------------|------------|---------|---------|---------|--|
|   | người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao<br><br>(1.012792.H56) | điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất | Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 1166 1843 1417"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp</td> <td>Hồ sơ/Giấy</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp | Hồ sơ/Giấy | 500.000 | 500.000 | 610.000 | 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung  | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |
|   |   | Đất   | Tài sản  | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |   |   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>                                |   |   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp                                      | Hồ sơ/Giấy  | 500.000   | 500.000  | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                    |  |  |  |  |              |            |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý |  |  |
|----|------------------------|---|--------------------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|----------------|--|--|
|    |                        | phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất) |                    | cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | chứng nhận/thửa đất            |         |         |         |                |  |  |
|    |                        |   |                    | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000 | 150.000 | 180.000 |                |  |  |
|    |                        |   |                    | <b>Chứng nhận biên động đất đai</b>  |                                |         |         |         |                |  |  |
|    |                        |   |                    | - Chứng nhận biên động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 |                |  |  |
|    |                        |   |                    | - Chứng nhận biên động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 |                |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                 |           |           |           | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|--|---------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|
|    |                        |                     |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>  |                                 |           |           |           |                |
|    |                        |                     |                    | <b>Cấp lần đầu</b>   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |                |
|    |                        |                     |                    | <b>Chứng nhận biên động đất đai</b>  |                                 |           |           |           |                |
|    |                        |                     |                    | - Chứng nhận biên động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |                |
|    |                        |                     |                    | - Chứng nhận biên động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/ thừa đất | 510.000   | 510.000   | 660.000   |                |
|    |                        |                     |                    | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách</li> </ul> |                                 |           |           |           |                |

| TT       | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |  |
|----------|---|-----------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|--|
|          |   |                       |                    | <p>mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 60%; text-align: center;">Nội dung</th> <th colspan="2" style="text-align: center;">Mức thu</th> </tr> <tr> <th style="width: 20%; text-align: center;">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th style="width: 20%; text-align: center;">Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="height: 30px;"></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |  |  |  |  |
| Nội dung | Mức thu                                 |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |
|          | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |
|          |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |
|---|--|--|---|---|--|--|--|--|---------|---------|---|--------|--------|--|--------|--------|--|
|   |  |  |   | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="3" data-bbox="949 300 1832 368"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="949 368 1447 443">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1447 368 1648 443" style="text-align: center;">100.000</td> <td data-bbox="1648 368 1832 443" style="text-align: center;">600.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="949 443 1447 518"><b>2. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1447 443 1648 518" style="text-align: center;">28.000</td> <td data-bbox="1648 443 1832 518" style="text-align: center;">30.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="949 518 1447 593"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1447 518 1648 593" style="text-align: center;">15.000</td> <td data-bbox="1648 518 1832 593" style="text-align: center;">30.000</td> </tr> </table> <p data-bbox="936 600 1854 756">Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p data-bbox="936 762 1854 874">- Trường hợp phải trích đo địa chính: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</b>  |  |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | 600.000 | <b>2. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 30.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.</b> |  |  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                          | 100.000  | 600.000  |   |   |  |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>2. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>                                       | 28.000   | 30.000   |   |   |  |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                            | 15.000   | 30.000   |   |   |  |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |
| 39  | Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành | <p data-bbox="936 888 1854 1000"><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p data-bbox="936 1007 1503 1043">a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p data-bbox="936 1050 1420 1086">- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li data-bbox="936 1093 1659 1129">+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li data-bbox="936 1136 1854 1193">+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li data-bbox="936 1200 1854 1342">+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li data-bbox="936 1348 1854 1406">+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> </ul>  | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số |  |  |  |         |         |   |        |        |  |        |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính                     | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
|--|--|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|  | chức năng ngoại giao<br><br>(1.012802.H56) | tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời | phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | + Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 778 1854 1439"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b></td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b> |  |  |  |  | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung   | Đơn vị tính                                | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
|  |  | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
| <b>A. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</b>                                      |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản               | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất             | 500.000   | 500.000   | 610.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và | Thửa đất hoặc tài sản                      | 150.000   | 150.000   | 180.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                |           |           |           | Căn cứ pháp lý |  |
|----|------------------------|---|--------------------|---|--------------------------------|-----------|-----------|-----------|----------------|--|
|    |                        | gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất) |                    | cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |   |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                    |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |   |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận          | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |  |
|    |                        |   |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận    | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000   | 310.000   |                |  |
|    |                        |   |                    | <b>B. Đối tượng còn lại</b>   |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |   |                    | <b>1. Cấp lần đầu</b>   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 1.100.000 | 1.270.000 | 1.660.000 |                |  |
|    |                        |   |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                    |                                |           |           |           |                |  |
|    |                        |   |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện                                  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận          | 850.000   | 850.000   | 1.100.000 |                |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                    |         |         |         | Căn cứ pháp lý |
|--|------------------------|---------------------|--------------------|--|------------------------------------|---------|---------|---------|----------------|
|  |                        |                     |                    | cấp mới Giấy chứng nhận  | nhận/<br>Thửa đất                  |         |         |         |                |
|  |                        |                     |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000 |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> </ul> |                        |                     |                    |  |                                    |         |         |         |                |

| TT   | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |   |                       |  |  |  |   |         |         |  |
|--|---|-----------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|---|-----------------------|--|--|--|---|---------|---------|--|
|  |   |                       |                    | <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="958 1102 1827 1423"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 1102 1458 1273" rowspan="2">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1458 1102 1827 1161">Mức thu</th> </tr> <tr> <th data-bbox="1458 1161 1686 1273">Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài</th> <th data-bbox="1686 1161 1827 1273">Các đối tượng còn lại</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="958 1273 1458 1353"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td colspan="2" data-bbox="1458 1273 1827 1353"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1353 1458 1423">- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất.</td> <td data-bbox="1458 1353 1686 1423" style="text-align: center;">100.000</td> <td data-bbox="1686 1353 1827 1423" style="text-align: center;">600.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu |  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  |  | - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất. | 100.000 | 600.000 |  |
| Nội dung   | Mức thu                                 |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |   |         |         |  |
|  | Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài | Các đối tượng còn lại |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |   |         |         |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |   |                       |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |   |         |         |  |
| - Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất.                      | 100.000                                 | 600.000               |                    |   |                |         |  |   |                       |  |  |  |   |         |         |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |
|---|---|---|---|---|---|--|--|---------------|--------|---------|---|--|--|--|--------|--------|--|
|   |   |   |   | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td colspan="3" data-bbox="965 300 1823 371"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 371 1458 411">- Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1458 371 1686 411" style="text-align: center;">40.000</td> <td data-bbox="1686 371 1823 411" style="text-align: center;">200.000</td> </tr> <tr> <td colspan="3" data-bbox="965 411 1823 483"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 483 1458 560"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1458 483 1686 560" style="text-align: center;">15.000</td> <td data-bbox="1686 483 1823 560" style="text-align: center;">30.000</td> </tr> </table> <p data-bbox="936 564 1854 719">Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p data-bbox="936 724 1854 842">* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>   |  |  | - Cấp lần đầu | 40.000 | 200.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> |  |  | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 | 30.000 |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |   |   |   |   |   |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |
| - Cấp lần đầu   | 40.000  | 200.000   |   |   |   |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   |   |   |   |   |   |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000  | 30.000  |   |   |   |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |
| 40  | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức<br><br>(1.012803.H56) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh</li> </ul> | Không   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,</li> <li>Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,</li> <li>Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15</li> </ul> |  |  |               |        |         |   |  |  |  |        |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|--|---|-------------|---|
|    |                        | <p>đơn đề nghị.</p> <p>Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất,</p> | <p>Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br/>(một phần)</p> |             | <p>và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|--|---|-------------|--|
|    |  | <p>tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất.</p> |   |             |  |
| 41 | <p>Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất<br/>(1.012821.H56)</p> | <p>38 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; không tính thời gian Công ty nông, lâm nghiệp hoàn thiện hồ sơ</p>  | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công</p> | Không       | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của</p> |



| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|--------------|--|
|    |   | <p>và gửi Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> | <p>tỉnh, địa chỉ: Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> |              | <p>Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> |
| 42 | <p>Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>(1.012805.H56)</p> | <p>Thời hạn giải quyết 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; Thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định</p>   | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ:</p>   | <p>Không</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15,</p>   |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|--|--|
|    |   | <p>của pháp luật.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> | <p>Số 28, Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá hoặc gửi đơn đến UBND tỉnh thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh.</p> |  | <p>Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> |
| 43 | <p>Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất (1.012808.H56)</p> | <p>07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ</p>              | <p>- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết</p>                                  | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng</li> </ul> </li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15,</p>   |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-------------------------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--------------|------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                | tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời | quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | <p>chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1002 1832 1417"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy</td> <td>190.000</td> <td>260.000</td> <td>310.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận | Hồ sơ/Giấy | 190.000 | 260.000 | 310.000 | Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
|  |                                | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| <b>Chứng nhận biến động đất đai</b>                              |                                |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000   | 510.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy                     | 190.000   | 260.000   | 310.000   |                |             |                |  |  |     |         |                |                                     |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |              |            |         |         |         |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                     |  |  | Căn cứ pháp lý |  |
|--|------------------------|--|--------------------|---|---------------------|--|--|----------------|--|
|  |                        | gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                    | biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | chứng nhận/Thửa đất |  |  |                |  |
| <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu</li> </ul> |                        |  |                    |   |                     |  |  |                |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                                    | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |         |   |  |        |   |   |        |  |
|-----|---|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|---------|---|--|--------|---|---|--------|--|
|     |   |                     |                    | <p>nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="965 995 1821 1310"> <thead> <tr> <th data-bbox="965 995 1084 1158">STT</th> <th data-bbox="1084 995 1570 1158">Nội dung</th> <th data-bbox="1570 995 1821 1158">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="965 1158 1084 1233">1</td> <td data-bbox="1084 1158 1570 1233"><b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1570 1158 1821 1233">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1233 1084 1310">2</td> <td data-bbox="1084 1233 1570 1310"><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1570 1233 1821 1310">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ</p> | STT            | Nội dung | Mức thu | 1 | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | 2 | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| STT | Nội dung  | Mức thu             |                    |  |                |          |         |   |  |        |   |   |        |  |
| 1   | <b>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>            | 28.000              |                    |  |                |          |         |   |  |        |   |   |        |  |
| 2   | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000              |                    |  |                |          |         |   |  |        |   |   |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | phí đến hết ngày 31/12/2025.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. |                |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |        |                |  |  |  |  |  |
|-----|--|---|---|--|----------------|----------|--------|----------------|--|--|--|--|--|
| 1   | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân<br>(1.012771.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Đơn vị</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Đơn vị | Mức thu (đồng) |  |  |  |  | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số |
| STT | Nội dung   | Đơn vị  | Mức thu (đồng)  |  |                |          |        |                |  |  |  |  |  |
|     |  |   |   |  |                |          |        |                |  |  |  |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  |                                |         |         |         |   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|----------------|
|    |                        |  |  |  |                                | tính    | Đất     | Tài sản | Đất và tài sản  |                |
|    |                        | chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính |  |  |                                |         |         |         | 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |                |
|    |                        |  |  |  | <b>Cấp lần đầu</b>             |         |         |         |   |                |
|    |                        |  | -  | Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 |   |                |
|    |                        | -  | Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài | Thửa đất hoặc tài sản  | 150.000                        | 150.000 | 180.000 |         |   |                |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |  |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |               |  |  |  |  |  |  |  |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|--|--|--|--|--|----------------|---------------|--|--|--|--|--|--|--|
|    |                        | thửa đất).          |                    | <table border="1" data-bbox="943 300 1848 379"> <tr> <td></td> <td>sản tăng thêm</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách</li> </ul> |  |  |  |  |  |                | sản tăng thêm |  |  |  |  |  |  |  |
|    | sản tăng thêm          |                     |                    |   |  |  |  |  |  |                |               |  |  |  |  |  |  |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
|----------|--|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|---------|----------|---|--|---|--|---------|----------|--|--|---|-------------|--------|----------|---|--------|--|
|          |  |                     |                    | <p>nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="954 632 1832 1037"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td><b>2</b></td> <td><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> </tr> <tr> <td><b>3</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | - | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | - | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| STT      | Nội dung   | Mức thu             |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                     |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                 | 100.000             |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                     |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu  | 40.000              |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000              |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|--|---|--|
| 2  | <p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân</p> <p>(1.012773.H56)</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a></p> <p>(một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |   |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý   |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|-----|------------------------|--|--------------------|---|---|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----|----------|-------------|----------------|--|--|--|--|--|-----|---------|----------------|
|     |                        | lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                    | miền núi.<br>b. Mức thu:  |   |                                |         |         |         | 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|     |                        |  |                    | <table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="920 368 1032 496">STT</th> <th data-bbox="1032 368 1205 496">Nội dung</th> <th data-bbox="1205 368 1373 496">Đơn vị tính</th> <th colspan="3" data-bbox="1373 368 1865 411">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <th data-bbox="1373 411 1525 496">Đất</th> <th data-bbox="1525 411 1677 496">Tài sản</th> <th data-bbox="1677 411 1865 496">Đất và tài sản</th> </tr> </thead> </table> |   |                                |         |         |         |  | STT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |  |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản |
| STT | Nội dung               | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)     |   |   |                                |         |         |         |  |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|     |                        |  | Đất                | Tài sản   | Đất và tài sản  |                                |         |         |         |  |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|     |                        |  |                    | <b>Cấp lần đầu</b>  |   |                                |         |         |         |  |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|     |                        |  |                    | -   | Trường hợp cấp riêng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hộ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 |  |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |
|     |                        |  |                    | -   | Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000 | 150.000 | 180.000 |  |     |          |             |                |  |  |  |  |  |     |         |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                              |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|--|--|--|--|--|--|
|    |                        |                     |                    | thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm |  |  |  |  | <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi</li> </ul> |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
|----------|--|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|---------|----------|---|--|---|--|---------|----------|--|--|---|-------------|--------|----------|---|--------|--|
|          |  |                     |                    | <p>hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="987 740 1798 1161"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1</b></td> <td><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td><b>2</b></td> <td><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>-</td> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> </tr> <tr> <td><b>3</b></td> <td><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | STT            | Nội dung | Mức thu | <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | - | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | - | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| STT      | Nội dung   | Mức thu             |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>1</b> | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                     |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                 | 100.000             |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>2</b> | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                     |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| -        | Cấp lần đầu  | 40.000              |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |
| <b>3</b> | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000              |                    |  |                |          |         |          |   |  |   |  |         |          |  |  |   |             |        |          |   |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|----------|---|--|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|---|
| 3        | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân (1.012774.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1305 1850 1433"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản |  |  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</li> </ul> |
| Nội dung | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |   | Đất  | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |   |  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện             | Phí, lệ phí           |             |             |  |  | Căn cứ pháp lý   |
|---|--|---|--------------------------------|-----------------------|-------------|-------------|--|--|--|
|   |  | lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                                | <b>1. Cấp lần đầu</b> |             |             |  |  | 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
|   | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   |   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.00<br>0           | 50..000     | 610.00<br>0 |  |  |  |
|   | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm |   | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.00<br>0           | 150.00<br>0 | 180.00<br>0 |  |  |  |
|   | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |   |                                |                       |             |             |  |  |  |
|   | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   |   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 320.00<br>0           | 430.00<br>0 | 510.00<br>0 |  |  |  |
|   | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất  | 190.00<br>0                    | 260.00<br>0           | 310.00<br>0 |             |  |  |  |
| <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa</p> |  |   |                                |                       |             |             |  |  |  |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p><i>khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</i></p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |  | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|--|---|--|--|
|    |  |   |  | Nội dung  | Mức thu  |  |
|    |  |   |  | <p><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></p> <p>- Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</p> <p><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></p> <p>- Cấp lần đầu</p> <p><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></p> <p><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></p>  | <p>100.000</p> <p>40.000</p> <p>28.000</p> <p>15.000</p> |  |
|    |  |   |  | <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |  |  |
| 4  | Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc">https://dichvuc</a></p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p> <p>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</p> <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách</p> |  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</p> <p>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số</p> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |
|--|---|---|-----------------------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--------------------------------------|-------------------|---------|---------|---------|--|
|  | người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân<br><br>(1.012775.H56) | vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; | ong.thanhhoa.gov.vn<br>(một phần) | mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br>- Đối tượng được giảm nộp phí:<br>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.<br>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.<br>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.<br>b. Mức thu: <table border="1" data-bbox="943 962 1832 1417"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài</td> <td>Thửa đất hoặc tài</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài | Thửa đất hoặc tài | 150.000 | 150.000 | 180.000 | 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung   | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)  |                                   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |
|  |   | Đất   | Tài sản                           | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |   |   |                                   |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 500.000   | 500.000                           | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài                                     | Thửa đất hoặc tài   | 150.000   | 150.000                           | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                      |                   |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |         |         |         | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|----------------|
|    |                        | Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). |                    | sản trong một thửa đất   | sản                            |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 |                |
|    |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 |                |
|    |                        |  |                    | Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025. |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | <b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:   |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:  |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).  |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.   |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.     |                                |         |         |         |                |
|    |                        |  |                    | - Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng   |                                |         |         |         |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;">Nội dung</th> <th style="width: 30%;">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td style="text-align: center;">100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td style="text-align: center;">40.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |        |  |        |  |
|--|---|--|---|--|--|--------|--|--------|--|
|  |   |  |   | <table border="1" data-bbox="965 300 1821 411"> <tr> <td data-bbox="965 300 1641 336"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1641 300 1821 336">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 336 1641 411"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1641 336 1821 411">15.000</td> </tr> </table> <p data-bbox="936 416 1854 571">Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p data-bbox="936 576 1854 691">* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>  | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>            | 28.000  |  |   |  |  |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000  |  |   |  |  |        |  |        |  |
| 5  | <p data-bbox="197 707 443 890">Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân</p> <p data-bbox="197 943 405 979">(1.012776.H56)</p> | <p data-bbox="465 707 685 1441">20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện</p> | <p data-bbox="707 707 909 1182">- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br/>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p data-bbox="936 707 1854 815"><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p data-bbox="936 820 1854 1441">a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br/>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br/>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).<br/>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br/>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.<br/>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br/>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br/>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.<br/>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> | <p data-bbox="1877 707 2101 1441">- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số</p> |        |  |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|--|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--------------------------------|------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                | kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 555 1832 1422"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai</td> <td>Hồ sơ/Giấy</td> <td>190.000</td> <td>260.000</td> <td>310.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai | Hồ sơ/Giấy | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <p>102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
|  |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất              | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>                                   |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận         | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000            | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai   | Hồ sơ/Giấy                     | 190.000  | 260.000            | 310.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |                                |            |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí                                    |                                 |  |  |  | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|---|--------------------|--|---------------------------------|--|--|--|---|
|    |                        | <p>tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).</p> |                    | <p>không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</p> | <p>chứng nhận/<br/>Thửa đất</p> |  |  |  | <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.<br/> <b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br/> a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:<br/> - Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).<br/> - Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.<br/> - Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.<br/> - Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.<br/> - Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.<br/> - Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.<br/> - Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về</p> |



| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="960 667 1825 1161"> <thead> <tr> <th data-bbox="960 667 1585 746">Nội dung</th> <th data-bbox="1585 667 1825 746">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="960 746 1585 826"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1585 746 1825 826"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 826 1585 906">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1585 826 1825 906">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 906 1585 986"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1585 906 1825 986"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 986 1585 1018">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1585 986 1825 1018">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 1018 1585 1098"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1585 1018 1825 1098">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 1098 1585 1161"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1585 1098 1825 1161">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|--|---|--|---|
|    |   |  |   | tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |   |
| 6  | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012777.H56) | 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> </ul> </li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> </ul> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|--|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|-------------------------------------|------------|---------|---------|---------|--|
|  |                                | <p>của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).</p> |                    | <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 512 1832 1415"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến động đất đai thực</td> <td>Hồ sơ/Giấy</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực | Hồ sơ/Giấy | 320.000 | 430.000 | 510.000 | <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
|  |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực  | Hồ sơ/Giấy                     | 320.000  | 430.000            | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                                     |            |         |         |         |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                    |             |         |         | Căn cứ pháp lý |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|------------------------------------|-------------|---------|---------|----------------|--|
|   |                        |                     |                    | hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | chứng nhận/<br>Thửa đất            |             |         |         |                |  |
|   |                        |                     |                    | - Chứng nhận biên động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 190.00<br>0 | 260.000 | 310.000 |                |  |
| <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày</li> </ul> |                        |                     |                    |  |                                    |             |         |         |                |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="965 850 1823 1353"> <thead> <tr> <th data-bbox="965 850 1570 938">Nội dung</th> <th data-bbox="1570 850 1823 938">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2" data-bbox="965 938 1823 1018"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1018 1570 1090">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1570 1018 1823 1090">100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="965 1090 1823 1169"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1169 1570 1201">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1570 1169 1823 1201">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1201 1570 1281"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1570 1201 1823 1281">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1281 1570 1353"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1570 1281 1823 1353">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|--|---|--|--|
|    |   |  |   | <p>giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>  |  |
| 7  | <p>Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản đồ địa chính trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012778.H56)</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí:</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi</p> |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
|--|--------------------------------|--|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|--|--|-------------------|----|---------|---------|---------|--|
|  |                                | khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 603 1850 1426"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5"><b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b></td> </tr> <tr> <td>- Chứng nhận biến</td> <td>Hồ</td> <td>320.000</td> <td>430.000</td> <td>510.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến | Hồ | 320.000 | 430.000 | 510.000 | <p>hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
|  |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>  |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000  | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000  | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>   |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |
| - Chứng nhận biến  | Hồ                             | 320.000  | 430.000            | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                       |         |         |         |  |  |  |  |  |                   |    |         |         |         |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết           | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                |              |         |         | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|-------------------------------|--------------------|--|--------------------------------|--------------|---------|---------|----------------|
|    |                        | chính của người sử dụng đất). |                    | động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất    | 0            |         |         |                |
|    |                        |                               |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 190.000<br>0 | 260.000 | 310.000 |                |
|    |                        |                               |                    | <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> </ul> |                                |              |         |         |                |



| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="965 1086 1823 1444"> <thead> <tr> <th data-bbox="965 1086 1588 1145">Nội dung</th> <th data-bbox="1588 1086 1823 1145">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="965 1145 1588 1222"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1588 1145 1823 1222"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1222 1588 1299">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1588 1222 1823 1299">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1299 1588 1375"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1588 1299 1823 1375"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1375 1588 1414">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1588 1375 1823 1414">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 1414 1588 1444"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất</b></td> <td data-bbox="1588 1414 1823 1444">28.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất</b> | 28.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất</b>   | 28.000                 |                     |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |  |   |        |  |
|---|--|---|--|--|---|--|---|--------|--|
|   |  |   |  | <table border="1" data-bbox="965 300 1821 411"> <tr> <td data-bbox="965 300 1585 336">đai</td> <td data-bbox="1585 300 1821 336"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 336 1585 411">4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td data-bbox="1585 336 1821 411">15.000</td> </tr> </table> <p>Hộ gia đình, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   | đai   |  | 4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 |  |
| đai   |  |   |  |  |   |  |   |        |  |
| 4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000   |   |  |  |   |  |   |        |  |
| 8   | <p>Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân (1.012779.H56)</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các khu vực không phải là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br/>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí:</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br/>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số</p> |  |   |        |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |
|---|--------------------------------|--|--------------------|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|-------------|-------------|-------------|---|-----------------------|-------------|-------------|-------------|--|
|   |                                | kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, |                    | <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 555 1850 1294"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.00<br/>0</td> <td>500.00<br/>0</td> <td>610.00<br/>0</td> </tr> <tr> <td>Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất<br/>lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.00<br/>0</td> <td>150.00<br/>0</td> <td>180.00<br/>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm</p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.00<br>0 | 500.00<br>0 | 610.00<br>0 | Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất<br>lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.00<br>0 | 150.00<br>0 | 180.00<br>0 | <p>102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |
|   |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>  |                                |  |                    |   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |
| Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.00<br>0  | 500.00<br>0        | 610.00<br>0   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |
| Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất<br>lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.00<br>0  | 150.00<br>0        | 180.00<br>0   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |   |                       |             |             |             |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|---|----------------|
|    |                        | <p>tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).</p> |                    | <p>(trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|--|--------|--|
|   |                        |                     |                    | <p>nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="965 611 1825 1018"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td>100.000</td> </tr> <tr> <td><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu</td> <td>40.000</td> </tr> <tr> <td><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td>15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |                     |                    |  |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |

| TT       | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|----------|--|---|---|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|---|
| 9        | Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân<br><br>(1.012806.H56) | 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br>(một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1305 1832 1433"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> <td> </td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản |  |  |  |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> <li>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày</li> </ul> |
| Nội dung | Đơn vị tính  | Mức thu (đồng)  |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |  | Đất   | Tài sản   | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|          |  |   |   |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |  |  |  |  | Căn cứ pháp lý |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |  |                       |         |         |         |  |  |  |
|--|--------------------------------|---|--------------------|--|--|--|--|--|----------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--|--|-----------------------|---------|---------|---------|--|--|--|
|  |                                | <p>tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất).</p> |                    | <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="5" data-bbox="925 293 1865 336">Cấp lần đầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="925 336 1207 544">- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td data-bbox="1207 336 1397 544">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất</td> <td data-bbox="1397 336 1527 544">500.000</td> <td data-bbox="1527 336 1680 544">500.000</td> <td data-bbox="1680 336 1865 544">610.000</td> <td colspan="2"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="925 544 1207 951">- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td data-bbox="1207 544 1397 951">Thửa đất hoặc tài sản</td> <td data-bbox="1397 544 1527 951">150.000</td> <td data-bbox="1527 544 1680 951">150.000</td> <td data-bbox="1680 544 1865 951">180.000</td> <td colspan="2"></td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng</li> </ul> |  |  |  |  | Cấp lần đầu    |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 |  |  | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 |  |  | 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Cấp lần đầu  |                                |   |                    |  |  |  |  |  |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |  |                       |         |         |         |  |  |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.000   | 500.000            | 610.000  |  |  |  |  |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |  |                       |         |         |         |  |  |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.000   | 150.000            | 180.000  |  |  |  |  |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |  |  |                       |         |         |         |  |  |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |         |   |  |  |         |   |  |  |
|---|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|---------|---|--|--|---------|---|--|--|
|   |                        |                     |                    | <p>lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;">Nội dung</th> <th style="width: 30%;">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2"><b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td>Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td style="text-align: center;">100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="2"><b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có</b></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Mức thu | <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có</b> |  |  |
| Nội dung  | Mức thu                |                     |                    |  |                |         |   |  |  |         |   |  |  |
| <b>Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |                        |                     |                    |  |                |         |   |  |  |         |   |  |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                      | 100.000                |                     |                    |  |                |         |   |  |  |         |   |  |  |
| <b>Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có</b>                       |                        |                     |                    |  |                |         |   |  |  |         |   |  |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |  |             |        |   |        |  |
|---|---|---|---|--|---|--|-------------|--------|---|--------|--|
|   |   |   |   | <table border="1" data-bbox="965 300 1821 448"> <tr> <td colspan="2" data-bbox="965 300 1821 336"><b>nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 336 1608 373">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1608 336 1821 373">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="965 373 1608 448"><b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1608 373 1821 448">15.000</td> </tr> </table> <p data-bbox="936 453 1854 608">Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p data-bbox="936 612 1854 726">* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   | <b>nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>   |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| <b>nhà và tài sản gắn liền với đất)</b>                   |   |   |   |  |   |  |             |        |   |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000  |   |   |  |   |  |             |        |   |        |  |
| <b>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000  |   |   |  |   |  |             |        |   |        |  |
| 10  | <p data-bbox="197 738 443 1182">Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất</p> <p data-bbox="208 1225 421 1262">(1.012814.H56)</p> | <p data-bbox="465 738 689 1444">20 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu; 23 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn</p> | <p data-bbox="707 738 909 1222">- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br/>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p data-bbox="931 738 1854 855"><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p data-bbox="931 860 1503 896">a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul data-bbox="931 901 1854 1414" style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lỡ đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên</li> </ul> </li> </ul> | <p data-bbox="1877 738 2101 1444">- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> |  |             |        |   |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |
|--|--------------------------------|---|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|-------------|-------------|-------------|--|-----------------------|-------------|-------------|-------------|--|
|  |                                | <p>liên với đất lần đầu là 20 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là 03 ngày làm việc).</p> <p>Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực</p> |                    | <p>quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 628 1832 1369"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất</td> <td>500.00<br/>0</td> <td>500.00<br/>0</td> <td>610.00<br/>0</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.00<br/>0</td> <td>150.00<br/>0</td> <td>180.00<br/>0</td> </tr> </tbody> </table> <p>Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước</p> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.00<br>0 | 500.00<br>0 | 610.00<br>0 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản | 150.00<br>0 | 150.00<br>0 | 180.00<br>0 | <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |
|  |                                | Đất   | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |
| <b>Cấp lần đầu</b>   |                                |   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/thửa đất | 500.00<br>0   | 500.00<br>0        | 610.00<br>0  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.00<br>0   | 150.00<br>0        | 180.00<br>0  |                |             |                |  |  |     |         |                |                    |  |  |  |  |  |                                |             |             |             |  |                       |             |             |             |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|---|----------------|
|    |                        | <p>hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu</p> |                    | <p>được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
|---|--|--|---|--|---|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|--|--------|--|
|   |  | tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.<br>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |   | xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.<br>b. Mức thu:<br><div style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></div> <table border="1" data-bbox="958 443 1827 863"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 443 1568 523">Nội dung</th> <th data-bbox="1568 443 1827 523">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="2" data-bbox="958 523 1827 603"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 603 1568 683">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1568 603 1827 683">100.000</td> </tr> <tr> <td colspan="2" data-bbox="958 683 1827 762"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 762 1568 810">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1568 762 1827 810">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 810 1568 863"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1568 810 1827 863">15.000</td> </tr> </tbody> </table> Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. | Nội dung  | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu  |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |  |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000  |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000   |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000   |  |   |  |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| 11  | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 | 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội   | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp | <b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:<br>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:<br>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:<br>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).  | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|--|------------------------|--|--|---|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|--|--|--|--|--|---|
|  | (1.012817.H56)         | dung thông tin giữa các giấy tờ, tính đầy đủ của nội dung kê khai; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn | trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1289 1845 1406"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai</b></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai</b> |  |  |  |  | <p>một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa</p> |
| Nội dung   | Đơn vị tính            | Mức thu (đồng)   |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
|  |                        | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản  |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai</b> |                        |  |  |   |                |             |                |  |  |     |         |                |  |  |  |  |  |   |

| TT   | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |                       |
|--|--------------------------------|---|--------------------|---|----------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------|
|  |                                | <p>liên với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> |                    | <table border="1" data-bbox="943 296 1843 746"> <thead> <tr> <th colspan="5" data-bbox="943 296 1843 336">năm 2024</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="943 336 1189 523">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 336 1379 523">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 336 1529 523">320.000</td> <td data-bbox="1529 336 1677 523">430.000</td> <td data-bbox="1677 336 1843 523">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 523 1189 746">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 523 1379 746">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 523 1529 746">190.000</td> <td data-bbox="1529 523 1677 746">260.000</td> <td data-bbox="1677 523 1843 746">310.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> </ul> | năm 2024       |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| năm 2024   |                                |   |                    |   |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |                       |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận       | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000   | 430.000            | 510.000   |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |                       |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000   | 260.000            | 310.000   |                |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |                       |

| TT  | Tên thủ tục hành chính                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
|-----|--|---------------------|--------------------|--|----------------|----------|----------------|---|---|--------|---|--|--------|--|
|     |  |                     |                    | <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1155 1850 1342"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Nội dung</th> <th>Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td>28.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</td> <td>15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc miễn</p> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000 |  |
| STT | Nội dung   | Mức thu (đồng)      |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000              |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000              |                    |  |                |          |                |   |   |        |   |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý  |
|----|--|---|---|--|---|
|    |  |   |   | <p>thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p>   |   |
| 12 | <p>Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (1.012796.H56)</p> | <p>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định (thu đối với trường hợp sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính; sai sót thông tin trong hồ sơ và trên Giấy chứng nhận do người sử dụng đất kê khai sai):</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</li> <li>+ Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa</li> </ul> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/ QH15.</p> <p>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra</p> |



| TT  | Tên thủ tục hành chính         | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
|---|--------------------------------|--|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|---|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|--|--|--|--|---|
|   |                                | <p>trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều</p> |                    | <p>chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 804 1845 1406"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 919 1845 991"><b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b></td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 991 1189 1177">- Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 991 1379 1177">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 991 1529 1177">320.000</td> <td data-bbox="1529 991 1677 1177">430.000</td> <td data-bbox="1677 991 1845 1177">510.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="943 1177 1189 1406">- Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận</td> <td data-bbox="1189 1177 1379 1406">Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td data-bbox="1379 1177 1529 1406">190.000</td> <td data-bbox="1529 1177 1677 1406">260.000</td> <td data-bbox="1677 1177 1845 1406">310.000</td> </tr> <tr> <td colspan="5" data-bbox="943 1406 1845 1439"><b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b></td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |  |  |  |  | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000 | 430.000 | 510.000 | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000 | 260.000 | 310.000 | <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b> |  |  |  |  | <p>ơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính                    | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
|   |                                | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| <b>A. Người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất đai năm 2024</b> |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận            | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.000  | 430.000            | 510.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận      | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.000  | 260.000            | 310.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |
| <b>B. Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</b>                               |                                |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |   |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |  |                                |         |         |         |   |  |  |  |  |   |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   |                                |         |         |           | Căn cứ pháp lý |
|---|------------------------|--|--------------------|---|--------------------------------|---------|---------|-----------|----------------|
|   |                        | kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. |                    | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 850.000 | 850.000 | 1.100.000 |                |
|   |                        |  |                    | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 510.000 | 510.000 | 660.000   |                |
| <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> |                        |  |                    | <p><b>2. Lệ phí (thu đối với trường hợp sai sót thông tin của người được cấp Giấy chứng nhận so với với thông tin tại thời điểm đề nghị đính chính; sai sót thông tin trong hồ sơ và trên Giấy chứng nhận do người sử dụng đất kê khai sai):</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng</li> </ul> |                                |         |         |           |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |                |  |  |  |   |                                     |  |
|-----|------------------------|---|-------------------------------------|---|----------------|----------|----------------|--|--|--|---|-------------------------------------|--|
|     |                        |   |                                     | <p>lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <p>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="938 1257 1850 1441"> <thead> <tr> <th data-bbox="938 1257 1037 1294">STT</th> <th data-bbox="1037 1257 1359 1294">Nội dung</th> <th colspan="2" data-bbox="1359 1257 1850 1294">Mức thu (đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td data-bbox="1359 1294 1641 1441">Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất</td> <td data-bbox="1641 1294 1850 1441">Đối tượng còn lại theo Luật đất đai</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu (đồng) |  |  |  | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |  |
| STT | Nội dung               | Mức thu (đồng)  |                                     |   |                |          |                |  |  |  |   |                                     |  |
|     |                        | Đối tượng là người sử dụng đất theo khoản 3, 4, 6 Điều 4 Luật đất | Đối tượng còn lại theo Luật đất đai |   |                |          |                |  |  |  |   |                                     |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   |  |              |        | Căn cứ pháp lý   |
|----|--|---|--|---|--|--------------|--------|--|
|    |  |   |  |   |  | đai năm 2024 |        |  |
|    |  |   |  |   |  |              |        |  |
|    |  |   |  | 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai            | 28.000       | 30.000 |  |
|    |  |   |  | 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính | 15.000       | 30.000 |  |
|    |  |   |  | <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |  |              |        |  |
| 13 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012818.H56) | (1) Thời gian thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không quá 25 ngày làm việc;<br>(2) Thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận sau thu hồi: 23 ngày làm việc (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu là không quá 20 ngày làm | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | * Phí thẩm định, lệ phí: Không<br>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.   |  |              |        | - Luật Đất đai số 31/2024/ QH15 ngày 18/01/2024;<br>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------|--|
|    |                        | <p>việc; cấp Giấy chứng nhận là không quá 03 ngày làm việc). Thời gian giải quyết được tính kể từ ngày nhận được tính kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin</p> |                    |             | <p>chức tin dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---|--------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <p>trên phương tiện thông tin đại chúng, thời gian thực hiện thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận mà người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất chết trước khi trao Giấy chứng nhận.</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện</p> |                    |             |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|---|---|
|    |   | được tăng thêm 10 ngày làm việc.  |   |   |   |
| 14 | <p>Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư</p> <p>(1.012807.H56)</p> | <p>20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần)</p> | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> |

| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện             | Phí, lệ phí |             |                |  |  | Căn cứ pháp lý  |
|---|------------------------|---|--------------------------------|-------------|-------------|----------------|--|--|---|
|   |                        |   |                                | Nội dung    | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  |   |
|   |                        | Đất   | Tài sản                        |             |             | Đất và tài sản |  |  |   |
|   |                        | quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                                |             |             |                |  |  | - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |                        |   |                                |             |             |                |  |  |   |
|   |                        | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.00<br>0 | 500.00<br>0 | 610.00<br>0    |  |  |   |
|   |                        | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm  | Thửa đất hoặc tài sản          | 150.00<br>0 | 150.00<br>0 | 180.00<br>0    |  |  |   |
| <b>2. Chứng nhận biến động đất đai</b>  |                        |   |                                |             |             |                |  |  |   |
|   |                        | - Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 320.00<br>0 | 430.00<br>0 | 510.00<br>0    |  |  |   |
|   |                        | - Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 190.00<br>0 | 260.00<br>0 | 310.00<br>0    |  |  |   |
| Cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm |                        |   |                                |             |             |                |  |  |   |



| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|---|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p>hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
|---|--|--|--|---|--|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|--------|--|
|   |  |  |  | <p>xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="969 443 1816 911"> <thead> <tr> <th data-bbox="969 443 1547 496">Nội dung</th> <th data-bbox="1547 443 1816 496">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="969 496 1547 571"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1547 496 1816 571"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="969 571 1547 646">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1547 571 1816 646">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="969 646 1547 721"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1547 646 1816 721"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="969 721 1547 762">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1547 721 1816 762">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="969 762 1547 837"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1547 762 1816 837">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="969 837 1547 911"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1547 837 1816 911">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | Nội dung   | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu  |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |  |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000  |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000   |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000   |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000   |  |  |   |  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| 15  | Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư | 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện. | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <p>- Miễn phí đối với các đối tượng sau:</p>   | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |

| TT          | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |             |  |  |  |  |  |
|-------------|------------------------|--|--|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-------------|--|--|--|--|--|
|             | (1.012809.H56)         | có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định; Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn | - Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</p> <p>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</p> <p>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</p> <p>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</p> <p>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</p> <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 1270 1850 1394"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5">Cấp lần đầu</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | Cấp lần đầu |  |  |  |  | ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.<br>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20. |
| Nội dung    | Đơn vị tính            | Mức thu (đồng)   |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |             |  |  |  |  |  |
|             |                        | Đất  | Tài sản  | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |             |  |  |  |  |  |
| Cấp lần đầu |                        |  |  |  |                |             |                |  |  |     |         |                |             |  |  |  |  |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  |                                    |             |         |         | Căn cứ pháp lý |  |  |
|--|------------------------|---|--------------------|--|------------------------------------|-------------|---------|---------|----------------|--|--|
|  |                        | giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; Thời gian trích đo địa chính thửa đất). |                    | Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 500.00<br>0 | 500.000 | 610.000 |                |  |  |
|  |                        |   |                    | Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm | Thửa đất hoặc tài sản              | 150.00<br>0 | 150.000 | 180.000 |                |  |  |
|  |                        |   |                    | <b>Chứng nhận biến động đất đai</b>  |                                    |             |         |         |                |  |  |
|  |                        |   |                    | Chứng nhận biến động đất đai thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 320.00<br>0 | 430.000 | 510.000 |                |  |  |
|  |                        |   |                    | Chứng nhận biến động đất đai không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận   | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/<br>Thửa đất | 190.00<br>0 | 260.000 | 310.000 |                |  |  |
| Cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) |                        |   |                    |  |                                    |             |         |         |                |  |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|--|----------------|
|    |                        |                     |                    | <p>30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không</li> </ul> |                |

| TT  | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
|---|--|--|--|---|---|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|---|--------|--|--------|--|
|   |  |  |  | <p>được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="960 408 1825 871"> <thead> <tr> <th data-bbox="960 408 1603 491">Nội dung</th> <th data-bbox="1603 408 1825 491">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="960 491 1603 568"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1603 491 1825 568"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 568 1603 644">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1603 568 1825 644">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 644 1603 721"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1603 644 1825 721"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 721 1603 759">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1603 721 1825 759">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 759 1603 798"><b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b></td> <td data-bbox="1603 759 1825 798">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="960 798 1603 871"><b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1603 798 1825 871">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân, cộng đồng dân cư khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> | Nội dung  | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b> | 28.000 | <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu  |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |  |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000  |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000   |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>3. Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</b>   | 28.000   |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| <b>4. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000   |  |  |   |   |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |
| 16  | <p>Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân</p> <p>(1.012810.H56)</p> | <p>- Thời gian phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | <p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.</p> <p>- Địa chỉ nộp</p> | <p style="text-align: center;">Không</p>  | <p>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</p> <p>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024</p> |         |  |  |  |         |   |  |             |        |   |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|------------------------|--|---|-------------|---|
|    |                        | <p>- Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.</p> <p>Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện đối với từng thủ tục hành chính tăng thêm 10 ngày. Thời gian trên không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định</p> | <p>trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a><br/>(một phần)</p> |             | <p>sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.<br/>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai</p> |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|    |                        | <p>giá đất cụ thể theo quy định;<br/>           Thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định;<br/>           Thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; Thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất;<br/>           Thời gian trích đo địa chính thửa đất.</p> |                    |             |                |



| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|--|-------------|---|
| 17 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện (1.012811.H56) | <p>Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai; thời gian này không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p> | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Trụ sở tiếp công dân cấp huyện. | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</li> </ul> |

### III. DANH MỤC TTHC CẤP XÃ

| TT | Tên thủ tục hành chính                        | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện      | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý   |
|----|---|---|-------------------------|-------------|--|
| 1  | Hòa giải tranh chấp đất đai<br>(1.012812.H56) | 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai. | Ủy ban nhân dân cấp xã. | Không       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024.</li> <li>- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi</li> </ul> |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý  |
|----|---|---|---|---|---|
|    |   |   |   |   | hành một số điều của Luật Đất đai.  |
| 2  | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (1.012816.H56) | 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đảm bảo tính đầy đủ, thống nhất theo quy định; không tính thời gian cơ quan có thẩm quyền xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trung cầu giám định, thời gian niêm yết công khai, đăng tin trên phương tiện thông tin đại | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp xã.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> </ul> </li> <li>- Đối tượng được giảm nộp phí: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</li> <li>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</li> <li>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</li> </ul> </li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;</li> <li>Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</li> <li>- Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai;</li> </ul> |



| TT  | Tên thủ tục hành chính                  | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |          |         |   |   |        |   |                                    |        |  |
|-----|---|---|--------------------|---|----------------|----------|---------|---|---|--------|---|------------------------------------|--------|--|
|     |   | <p>khãn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.</p> <p>(Trường hợp thửa đất chưa được Giấy chứng nhận, thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu).</p> |                    | <p>chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</li> <li>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</li> </ul> <p>b. Mức thu:</p> <p style="text-align: right;"><i>Đơn vị tính: Đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="967 1145 1823 1422"> <thead> <tr> <th data-bbox="967 1145 1086 1310">STT</th> <th data-bbox="1086 1145 1574 1310">Nội dung</th> <th data-bbox="1574 1145 1823 1310">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="967 1310 1086 1385">1</td> <td data-bbox="1086 1310 1574 1385">Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai</td> <td data-bbox="1574 1310 1823 1385">28.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="967 1385 1086 1422">2</td> <td data-bbox="1086 1385 1574 1422">Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu</td> <td data-bbox="1574 1385 1823 1422">15.000</td> </tr> </tbody> </table> | STT            | Nội dung | Mức thu | 1 | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000 | 2 | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu | 15.000 |  |
| STT | Nội dung                                | Mức thu   |                    |   |                |          |         |   |   |        |   |                                    |        |  |
| 1   | Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai | 28.000  |                    |   |                |          |         |   |   |        |   |                                    |        |  |
| 2   | Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu      | 15.000  |                    |   |                |          |         |   |   |        |   |                                    |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện  | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý   |                        |  |
|----|--|---|---|---|--|------------------------|--|
|    |  |   |   | <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50%;"></td> <td style="width: 50%; text-align: center;"><b>hồ sơ địa chính</b></td> </tr> </table> <p>Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> <p>* Nhà nước có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện việc đo đạc, chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai 2024; người sử dụng đất không phải trả chi phí đối với trường hợp này.</p>             |  | <b>hồ sơ địa chính</b> |  |
|    | <b>hồ sơ địa chính</b>   |   |   |   |  |                        |  |
| 3  | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc | - 85 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (Không bao gồm thời gian giải quyết của cơ quan có chức năng quản lý đất đai về xác định giá đất cụ thể theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan có thẩm quyền về khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã.<br>- Địa chỉ nộp trực tuyến: <a href="https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn">https://dichvuc.ong.thanhhoa.gov.vn</a> (một phần) | <p><b>1. Phí thẩm định:</b> Theo quy định tại Điều 8, Điều 18 Chương I Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p>a. Các trường hợp được miễn, giảm nộp phí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Miễn phí đối với các đối tượng sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người khuyết tật và người già (không nơi nương tựa).</li> <li>+ Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>+ Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hóa học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam anh hùng.</li> <li>+ Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>+ Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> </ul> </li> </ul> | - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;- Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 |                        |  |

| TT  | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|---|---|--|--------------------|--|----------------|-------------|----------------|--|--|-----|---------|----------------|-----------------------|--|--|--|--|--|--------------------------------|---------|---------|---------|---|-----------------------|---------|---------|---------|--|
|   | phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường | tiền thuê đất theo quy định; thời gian giải quyết của cơ quan thuế về xác định đơn giá thuê đất, số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, miễn, giảm, ghi nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định; thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; thời gian người sử dụng đất thỏa thuận để thực hiện tích tụ đất nông nghiệp, góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai; thời gian trích đo địa chính thửa đất; thời hạn Hội |                    | <p>+ Trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Đối tượng được giảm nộp phí:</p> <p>+ Giảm 10% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc các huyện đồng bằng.</p> <p>+ Giảm 20% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã đồng bằng thuộc huyện và các thị trấn thuộc huyện miền núi.</p> <p>+ Giảm 30% mức thu phí cho hộ gia đình ở các xã thuộc các huyện miền núi.</p> <p>b. Mức thu:</p> <table border="1" data-bbox="943 783 1850 1439"> <thead> <tr> <th rowspan="2">Nội dung</th> <th rowspan="2">Đơn vị tính</th> <th colspan="3">Mức thu (đồng)</th> </tr> <tr> <th>Đất</th> <th>Tài sản</th> <th>Đất và tài sản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td colspan="5"><b>1. Cấp lần đầu</b></td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản</td> <td>Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất</td> <td>500.000</td> <td>500.000</td> <td>610.000</td> </tr> <tr> <td>- Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận,</td> <td>Thửa đất hoặc tài sản</td> <td>150.000</td> <td>150.000</td> <td>180.000</td> </tr> </tbody> </table> | Nội dung       | Đơn vị tính | Mức thu (đồng) |  |  | Đất | Tài sản | Đất và tài sản | <b>1. Cấp lần đầu</b> |  |  |  |  | - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất | 500.000 | 500.000 | 610.000 | - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, | Thửa đất hoặc tài sản | 150.000 | 150.000 | 180.000 | <p>và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.</p> <p>- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20.</p> |
| Nội dung  | Đơn vị tính   | Mức thu (đồng)   |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
|   |   | Đất  | Tài sản            | Đất và tài sản   |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| <b>1. Cấp lần đầu</b>   |   |  |                    |  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp cấp riêng từng thửa đất hoặc tài sản hoặc cả đất và tài sản  | Hồ sơ/Giấy chứng nhận/Thửa đất  | 500.000  | 500.000            | 610.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |
| - Trường hợp nhiều thửa đất hoặc tài sản trong một thửa đất lập chung trong 1 hồ sơ và cấp chung 1 Giấy chứng nhận, | Thửa đất hoặc tài sản   | 150.000  | 150.000            | 180.000  |                |             |                |  |  |     |         |                |                       |  |  |  |  |  |                                |         |         |         |   |                       |         |         |         |  |

| TT   | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí  | Căn cứ pháp lý                               |  |  |  |  |  |
|--|--|---|--------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|  | trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở<br><br>(1.012780.H56) | đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Trong đó thời gian cụ thể của từng bước thủ tục như sau:<br>+ Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp đơn xin giao đất;<br>+ Thời hạn Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy |                    | <table border="1" data-bbox="943 300 1843 419"> <tr> <td data-bbox="943 300 1227 419">thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm</td> <td data-bbox="1227 300 1397 419"></td> <td data-bbox="1397 300 1545 419"></td> <td data-bbox="1545 300 1693 419"></td> <td data-bbox="1693 300 1843 419"></td> </tr> </table> <p data-bbox="936 427 1859 579">Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p data-bbox="936 587 1859 707"><b>2. Lệ phí:</b> Theo quy định tại Điều 21, Điều 24 Chương II Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 20, cụ thể:</p> <p data-bbox="936 715 1859 746">a. Các trường hợp được miễn nộp lệ phí:</p> <ul data-bbox="936 754 1859 1439" style="list-style-type: none"> <li>- Người khuyết tật và người cao tuổi (không nơi nương tựa).</li> <li>- Hộ nghèo; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.</li> <li>- Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ của liệt sỹ; người hoạt động cách mạng bị nhiễm chất độc hoá học; thương binh; bệnh binh; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.</li> <li>- Hộ gia đình, cơ quan, tổ chức hiến tặng đất nhằm mục đích xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.</li> <li>- Hộ gia đình bị tác động bởi thiên tai lũ lụt làm lở đất, mất đất.</li> <li>- Miễn nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng trước ngày 19/10/2009 (là ngày Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có hiệu lực thi</li> </ul> | thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm |  |  |  |  |  |
| thu thêm mỗi thửa đất hoặc tài sản tăng thêm |  |   |                    |  |  |  |  |  |  |  |



| TT  | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
|---|------------------------|---|--------------------|---|----------------|---------|--|--|--|---------|---|--|-------------|--------|--|--------|--|
|   |                        | <p>định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>+ Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất là 10 ngày kể từ ngày xác định được cá nhân đủ điều kiện giao đất;</p> <p>+ Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ giao đất đối với từng cá nhân là 30 ngày kể từ ngày nhận</p> |                    | <p>hành) mà có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với các trường hợp thực hiện thủ tục hành chính về đất đai do thay đổi địa chỉ thường trú, địa chỉ thửa đất do chính sách nhà nước về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính hoặc các chính sách nhà nước khác có liên quan.</p> <p>- Miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận đối với hộ gia đình, cá nhân ở nông thôn. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân tại các quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và các phường nội thành thuộc thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh được cấp giấy chứng nhận ở nông thôn thì không được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận.</p> <p>b. Mức thu:</p> <p>Đơn vị tính: Đồng</p> <table border="1" data-bbox="958 783 1834 1203"> <thead> <tr> <th data-bbox="958 783 1588 863">Nội dung</th> <th data-bbox="1588 783 1834 863">Mức thu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="958 863 1588 938"><b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b></td> <td data-bbox="1588 863 1834 938"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 938 1588 1013">Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất</td> <td data-bbox="1588 938 1834 1013">100.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1013 1588 1088"><b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b></td> <td data-bbox="1588 1013 1834 1088"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1088 1588 1129">Cấp lần đầu</td> <td data-bbox="1588 1088 1834 1129">40.000</td> </tr> <tr> <td data-bbox="958 1129 1588 1203"><b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b></td> <td data-bbox="1588 1129 1834 1203">15.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>Cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nhà nước được giảm hoặc giảm thêm (trong trường hợp đã được giảm theo Quy định này) 30% mức thu lệ phí đến hết ngày 31/12/2025.</p> <p>* Trường hợp phải trích đo địa chính thửa đất, đo tài sản gắn liền với đất: Mức thu theo Đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng</p> | Nội dung       | Mức thu | <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b> |  | Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất | 100.000 | <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |  | Cấp lần đầu | 40.000 | <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b> | 15.000 |  |
| Nội dung  | Mức thu                |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất</b>            |                        |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu giấy chứng nhận bao gồm cả đất và tài sản trên đất                                    | 100.000                |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>2. Cấp giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản gắn liền với đất)</b> |                        |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| Cấp lần đầu   | 40.000                 |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |
| <b>3. Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính</b>                                      | 15.000                 |   |                    |   |                |         |  |  |  |         |   |  |             |        |  |        |  |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí   | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|---|----------------|
|    |                        | <p>đủ hồ sơ hợp lệ;<br/>+ Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện là 15 ngày kể từ ngày có báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện.</p> <p>- Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời</p> |                    | <p>tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.</p> |                |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết                    | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý |
|----|------------------------|--|--------------------|-------------|----------------|
|    |                        | gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. |                    |             |                |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

Bãi bỏ 66 TTHC lĩnh vực Đất đai tại các Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 26/6/2015, số 325/QĐ-UBND ngày 25/01/2016, số 2959/QĐ-UBND ngày 08/8/2016, số 4058/QĐ-UBND ngày 18/10/2018, số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018, số 4220/QĐ-UBND ngày 15/10/2019, số 2851/QĐ-UBND ngày 22/8/2022, số 2924/QĐ-UBND ngày 29/8/2022, số 50/QĐ-UBND ngày 04/01/2023, số 1017/QĐ-UBND ngày 15/3/2024, số 4414/QĐ-UBND ngày 05/11/2021, 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024, 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá. Cụ thể:

| STT                                 | Mã TTHC                 | Tên thủ tục hành chính   | Quyết định công bố của UBND tỉnh          | Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ  |
|-------------------------------------|-------------------------|--|---|--|
| <b>Lĩnh vực: Đất đai (cấp tỉnh)</b> |                         |  |   |  |
| 1                                   | 1.004217.000.00.00.H56  | Gia hạn sử dụng đất Nông nghiệp của cơ sở tôn giáo   | Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 | Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |
| 2                                   | 1.002253.00 0.00.00.H56 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao. (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng). | Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 |  |
| 3                                   | 1.002040.00 0.00.00.H56 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức   | Quyết định số 2851/QĐ-                    |  |

|   |                         |  |  |  |
|---|-------------------------|--|--|--|
|   |                         | đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng). | UBND ngày 22/8/2022                        |  |
| 4 | 1.004257.00 0.00.00.H56 | Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.   | Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 22/8/2022  |  |
| 5 | 1.010200.000.00.00.H56  | Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.   | Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 |  |
| 6 | 1.003010.000.00.00.H56  | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư   | Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 |  |

|    |                        |  |  |
|----|------------------------|--|--|
|    |                        | nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.  |  |
| 7  | 1.004688.000.00.00.H56 | Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.  | Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 |
| 8  | 1.004267.000.00.00.H56 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  | Quyết định số 4220/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 |
| 9  | 2.000962.000.00.00.H56 | Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp.  | Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 08/8/2016  |
| 10 | 1.001007.000.00.00.H56 | Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.   | Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 25/01/2016  |
| 11 | 1.001039.000.00.00.H56 | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.   | Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 26/6/2015  |
| 12 | 1.000964.000.00.00.H56 | Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. | Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 26/6/2015  |
| 13 | 1.008147               | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |
| 14 | 1.008154               | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |

|    |          |  |   |
|----|----------|--|---|
|    |          | đất  |   |
| 15 | 1.008156 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 16 | 1.008159 | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 17 | 1.008161 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 18 | 1.008162 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 19 | 1.008163 | Đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 20 | 1.008168 | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 21 | 1.008171 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 22 | 1.008172 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 23 | 1.008175 | Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy   | Quyết định số 1101/QĐ-                    |

|    |          |   |   |
|----|----------|---|---|
|    |          | chứng nhận đã cấp.  | UBND ngày 21/3/2024                       |
| 24 | 1.008176 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án 2 phát triển nhà ở và trong dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 25 | 1.008150 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 26 | 1.008152 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 27 | 1.008180 | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 28 | 1.008181 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |



|    |          |  |   |
|----|----------|--|---|
|    |          | cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.  |   |
| 29 | 1.008182 | Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất. | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 30 | 1.008183 | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỏ sung của Giấy chứng nhận do bị mất   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 31 | 1.008184 | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 32 | 1.008185 | Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất  | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 33 | 1.008160 | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 34 | 1.008164 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 35 | 1.008149 | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý   | Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 36 | 1.008151 | Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 37 | 1.008155 | Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 38 | 1.008157 | Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất;  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |

|    |          |  |   |
|----|----------|--|---|
|    |          | thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận   |   |
| 39 | 1.008158 | Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề                   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 40 | 1.008169 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 41 | 1.008170 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 42 | 1.008173 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 43 | 1.008174 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 44 | 1.008177 | Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 45 | 1.008178 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 46 | 1.008179 | Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 47 | 1.008186 | Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã 2 cấp   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 48 | 1.008153 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |

|    |          |  |   |
|----|----------|--|---|
|    |          | đổi với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định  |   |
| 49 | 1.008189 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 50 | 1.008190 | Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 51 | 1.008191 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đổi với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |
| 52 | 1.008192 | Đăng ký biến động đổi với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao  | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024 |

|                                      |                        |  |  |  |
|--------------------------------------|------------------------|--|--|--|
|                                      |                        | đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất  |  |  |
| 53                                   | 1.008193               | Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |  |
| 54                                   | 1.008194               | Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |  |
| 55                                   | 1.008166               | Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |  |
| 56                                   | 1.008167               | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |  |
| 57                                   | 1.012420               | Thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đòn điền đổi thửa” (đồng loạt)   | Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 21/3/2024  |  |
| 58                                   | 1.004269.000.00.00.H56 | Cung cấp dữ liệu đất đai   | Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 04/01/2023   |  |
| <b>Lĩnh vực: Đất đai (Cấp huyện)</b> |                        |  |  |  |
| 1                                    | 2.000381.000.00.00.H56 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 29/8/2022  | Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi |
| 2                                    | 1.000798.000.00.00.H56 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân   | Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 29/8/2022  |  |
| 3                                    | 2.001234.000.00.00.H56 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư                   | Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 |  |
| 4                                    | 2.000395.000.00.00.H56 | Thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm   | Quyết định số 4220/QĐ-                     |  |

|                                   |                         |  |  |  |
|-----------------------------------|-------------------------|--|--|--|
|                                   |                         | quyền của Chủ tịch ủy ban nhân cấp huyện   | UBND ngày 15/10/2019                       | trường.  |
| 5                                 | 1.005367.000.00.00.H56  | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam   | Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 |  |
| 6                                 | 1.005187.000.00.00.H56  | Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam | Quyết định số 4441/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 |  |
| 7                                 | 1.007801                | Cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết trách chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá  | Quyết định số 4058/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 |  |
| <b>Lĩnh vực: Đất đai (Cấp xã)</b> |                         |  |  |  |
| 1                                 | 1.003554.000.00.00.H 56 | Hòa giải tranh chấp đất đai  | Quyết định số 4414/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 | Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường. |

